

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200208753 (số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu ngày 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 23/04/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chứng số .53/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ..09... tháng ..8.... năm 2019)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI



BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

Trụ sở chính: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Điện thoại: (0299) 3822223 – 3822201 Fax: (0299) 3822122 - 3825665

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84.28) 3824 2897 Fax: (84.28) 3824 2997

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ và tên: Ông Phạm Hoàng Việt

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (0299) 3822223 – 3822201 Fax: (0299) 3822122 - 3825665

Email: <http://www.fimexvn.com>



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro pháp luật	8
3. Rủi ro đặc thù ngành	9
4. Rủi ro của đợt chào bán	10
5. Rủi ro pha loãng	10
6. Rủi ro quản trị công ty.....	11
7. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	13
1. Tổ chức phát hành	13
2. Tổ chức tư vấn	13
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.1 Giới thiệu chung về Công ty.....	15
1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	16
1.3 Các thành tích đạt được.....	17
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	18
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	18
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách trên mức vốn thực góp hiện tại	20
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	21
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	21
6.1 Quá trình tăng vốn của Công ty.....	21
6.2 Tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành tăng vốn điều lệ.	23
7. Hoạt động kinh doanh.....	23



7.1	Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	23
7.2	Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành	30
7.3	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	30
7.4	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ.....	31
7.5	Tình hình tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường	32
7.6	Hoạt động Marketing.....	33
7.7	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	33
7.8	Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết	33
8.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	34
8.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	34
8.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo .	35
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	36
9.1	Vị thế của Công ty trong ngành	36
9.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	37
9.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.....	39
10.	Chính sách đối với người lao động	39
10.1	Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty	39
10.2	Chính sách nhân sự.....	40
11.	Chính sách cổ tức	42
12.	Tình hình hoạt động tài chính	42
12.1	Các chỉ tiêu cơ bản.....	42
12.2	Trích khấu hao tài sản cố định	44
12.3	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	48
13.	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	50
14.	Tài sản	65
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	68
17.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	69
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	69



19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá	69
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	70
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.....	70
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.....	70
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:	70
4. Giá chào bán dự kiến	70
5. Phương pháp tính giá.....	70
6. Phương thức phân phối.....	70
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	73
8. Đăng ký mua cổ phiếu	75
9. Phương thức thực hiện quyền	76
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	76
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	77
12. Các loại thuế liên quan	78
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	79
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	80
1. Mục đích chào bán	80
2. Phương án khả thi.....	80
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	81
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	82
1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán.....	82
2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán.....	82
3. Đại lý phát hành.....	83
4. Các khoản phí và điều kiện kèm theo	83
IX. PHỤ LỤC	84



DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2018.....	6
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2018.....	6
Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ năm 2018.....	7
Hình 4: Lãi suất trên thị trường 1 kỳ hạn 13 tháng.....	8
Hình 5: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty.....	18
Hình 6: Thị phần xuất khẩu tôm của Việt Nam trong năm 2018.....	37
Hình 6: Kim ngạch xuất khẩu tôm.....	38
Hình 7: Xuất khẩu tôm theo thị trường.....	38

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của FMC.....	20
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông.....	21
Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty.....	27
Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty.....	28
Bảng 5: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm.....	29
Bảng 6: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.....	30
Bảng 7: Danh sách các hợp đồng lớn.....	34
Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	34
Bảng 10: Tỷ lệ cổ tức qua các năm.....	42
Bảng 11: Mức thu nhập bình quân qua các năm.....	44
Bảng 12: Thuế và các khoản phải thu / phải trả Nhà nước.....	45
Bảng 13: Mức trích lập các quỹ của Công ty.....	45
Bảng 13: Tổng dư nợ vay của Công ty.....	46
Bảng 14: Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2018.....	46
Bảng 17: Các khoản phải thu của Công ty.....	47
Bảng 18: Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng.....	47
Bảng 19: Các khoản phải trả.....	48
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	48
Bảng 21: Tình hình tài sản của Công ty.....	65
Bảng 22: Tình hình tài sản cố định của Công ty.....	66
Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 và 2019.....	66
Bảng 24: Lịch trình phân phối cổ phiếu.....	73
Bảng 25: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán.....	81



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (“Fimex”, “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng, được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 02 năm 1996 với số vốn ban đầu là 21 tỷ đồng, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. Đến thời điểm 01/01/2003 doanh nghiệp cổ phần hóa thành công và đổi tên là Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta cùng tên thương mại là FIMEX VN.

Fimex hiện đã và đang tập trung phát triển vùng nuôi tôm nguyên liệu và đầu tư vào chế biến các loại nông sản có tỷ suất sinh lời cao bên cạnh hoạt động kinh doanh truyền thống là chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. Chiến lược Fimex hướng tới là tập trung vào việc thúc đẩy kinh doanh, từng bước thâm nhập hệ thống phân phối thủy sản cao cấp hàng đầu ở Hoa Kỳ và tiếp thị hàng tinh chế tại thị trường Châu Âu bên cạnh việc duy trì tốt các khách hàng và thị trường đã có.

Nhằm giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty đã xây dựng những chính sách phòng ngừa, cụ thể như sau:

1. Rủi ro về kinh tế

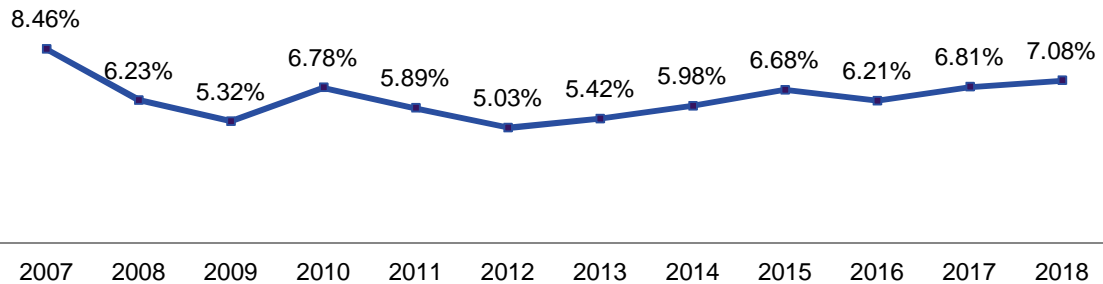
1.1. Tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP)

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành nghề, lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của ngành chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu.

Nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng rất nhanh trong những năm gần đây, môi trường pháp lý và kinh doanh đã phát triển nhưng vẫn chứa đựng những rủi ro vốn có gắn với nền kinh tế mới nổi. Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta hoạt động chính trong lĩnh vực chế biến tôm đông lạnh, nông sản xuất khẩu và phát triển vùng nuôi tôm nguyên liệu. Do vậy, hoạt động của FMC chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới như suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động tỷ giá, thuế chống bán phá giá,... Nhằm giảm thiểu tác động của những ảnh hưởng trên, FMC chú trọng thực hiện tốt công tác chuẩn bị, dự trù cho những tình huống thay đổi trong tình hình kinh tế, thị trường, chủ động phát triển nguồn nguyên liệu đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với các khách hàng và nhà cung cấp.

Theo Tổng cục thống kê, GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,70% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,60%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,70%.

Hình 1: Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2018



Nguồn: Tổng cục thống kê

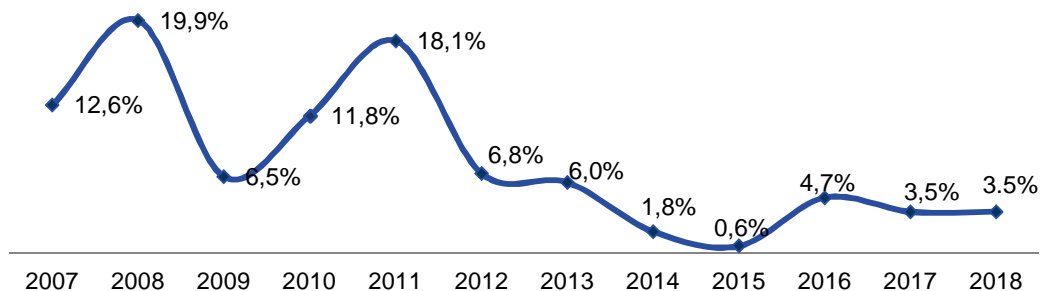
Nhìn chung, sự tăng trưởng GDP trong thời gian gần đây cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang dần phục hồi, sức mua được cải thiện và hoạt động sản xuất kinh doanh ở hầu hết các lĩnh vực đều có những chuyển biến tích cực.

1.2. Lạm phát

Từ mức lạm phát hai con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt. CPI bình quân năm 2018 chỉ tăng 3,54% so với cùng kỳ, thấp hơn khá nhiều so với mức mục tiêu 4% mà Quốc hội đề ra cho cả năm 2018. Đợt sụt giảm mạnh của giá dầu thô quốc tế vừa qua đã khiến cho giá xăng dầu bán lẻ trong nước giảm 5 lần liên tiếp trong 2 tháng 11 và 12, số dư quỹ bình ổn xăng dầu đang tăng lên sẽ làm giảm đáng kể áp lực lên lạm phát 2019. Trong bối cảnh hiện tại, áp lực với lạm phát không quá lớn.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát những năm gần đây được duy trì khá ổn định, nhưng không thể đảm bảo rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không tiếp tục lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam được dự báo đang tăng trưởng nhanh trở lại.

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2007 - 2018



Nguồn: Tổng cục thống kê

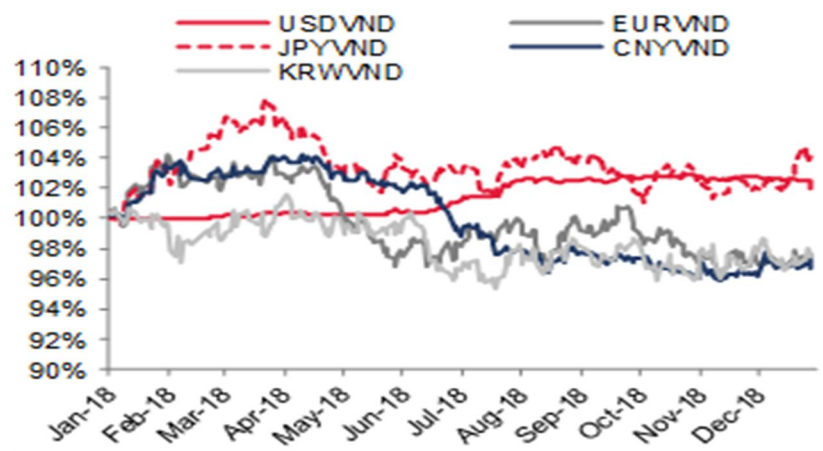
1.3. Tỷ giá

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là chế biến tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu, ... chiếm trên tỷ trọng cao trong tổng doanh thu. Việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Hiện chính sách điều hành tỷ giá được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm đáp ứng những yêu cầu từ bối cảnh thương mại và đầu tư quốc tế, tăng cường ký kết các hiệp định thương mại tự do. Năm 2018, tỷ giá USD/VND có nhiều biến động lớn. Sự ổn định của tỷ giá hối đoái được duy trì nhờ các yếu tố hỗ trợ như: (i) Cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối đang dần phát huy được hiệu quả, hạn chế hành vi đầu cơ, nắm giữ ngoại tệ; (ii) Nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào do cán cân thương mại tiếp tục thặng dư, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng khả quan; (iii) Hầu hết các đồng tiền trong rổ tính tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước đều lên giá so với đồng USD đã giúp giải tỏa sức ép lên tỷ giá USD/VND. Bên cạnh đó, tỷ giá ổn định cũng giúp giảm tình trạng đô la hóa, tỷ lệ USD trên tổng phương tiện thanh toán giảm xuống còn 10%, tương đương mức đô la hóa nhẹ của theo tiêu chuẩn của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

Tính chung cả năm 2018, VND đã mất giá khoảng 2,2-2,3% so với USD, thấp hơn khá nhiều so với mức mất giá của EUR, GBP và CNY lần lượt là 4,5%, 5,7% và 5,4%. Hai tuần tăng giá mạnh cuối năm đã khiến đồng JPY trở thành đồng tiền duy nhất tăng giá gần 3% so với USD trong năm 2018. Hiện Nhật Bản đang là quốc gia đầu tư FDI và ODA lớn nhất tại Việt Nam.

Để hạn chế rủi ro, doanh nghiệp có thể mua thêm một giao dịch phái sinh, bảo hiểm rủi ro tỷ giá, giúp tổng thể chi phí vẫn thấp hơn vay trực tiếp lãi suất thông thường bằng Việt Nam Đồng.

Hình 3: Tương quan VND và một số ngoại tệ năm 2018



Nguồn: Tổng cục thống kê

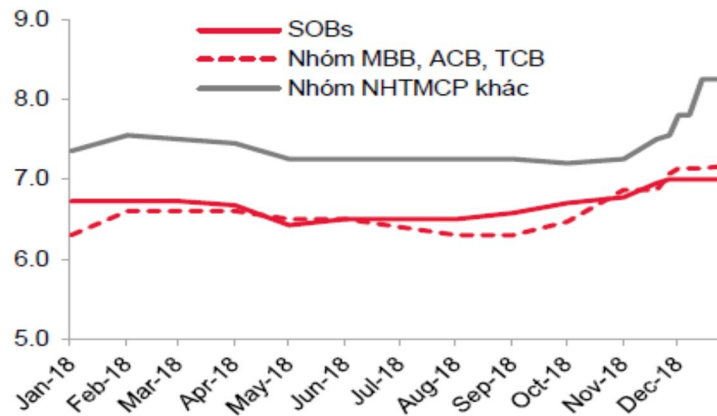
1.4. Lãi suất

Năm 2018, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay tương đối ổn định. Theo đó, lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 12 tháng phổ biến ở mức 5,3 - 6,5%/năm, lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 12 tháng đã giảm xuống còn khoảng 6-9%/năm từ mức 20% - 22%/năm trong giai đoạn năm 2008.

Bên cạnh đó, lãi suất ở mức thấp đã cải thiện tính thanh khoản cũng như tăng khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp kinh doanh nói chung và các công ty xuất khẩu nói riêng. Mức lãi suất tương đối hợp lý như hiện nay sẽ hỗ trợ cho Công ty trong việc giảm chi phí lãi vay, tác động tích cực đến kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

Công ty FMC luôn có nhu cầu vay vốn ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng để tài trợ vốn lưu động phục vụ xuyên suốt cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như vận hành vùng nuôi hay mua tôm nguyên liệu. Do đó, một khi có biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vay vốn và sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hình 4: Lãi suất trên thị trường 1 kỳ hạn 13 tháng



Nguồn: Tổng cục thống kê

2. Rủi ro pháp luật

Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản nên Công ty Cổ phần Thực Phẩm Sao Ta chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại, các Luật về Thuế, ... và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thật sự nhất quán và ổn định, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chông chéo, việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập. Trong thời gian tới khi Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu rộng vào kinh tế toàn cầu, hệ thống pháp luật tiếp tục



được điều chỉnh, và có thể tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn theo dõi các thay đổi về chính sách, kịp thời điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu, chủ yếu vào các thị trường Nhật Bản, EU, Mỹ, Úc và Canada, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự ảnh hưởng của các chính sách, luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia mà Công ty xuất khẩu ban hành.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Rủi ro thị trường tiêu thụ

Thị trường Nhật Bản, EU và Mỹ là các thị trường xuất khẩu chính của Công ty – đây đều là những thị trường khó tính và có nhiều quy định về chất lượng sản phẩm, điển hình là Nhật Bản. Tuy nhiên, toàn bộ quy trình sản xuất sản phẩm của Công ty được thực hiện theo những hệ thống quản lý chất lượng đủ tiêu chuẩn, do đó các sản phẩm của Công ty đều phù hợp với yêu cầu của những thị trường này. Nhưng nếu có những thay đổi về tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm của các thị trường tiêu thụ thì sẽ dẫn tới sự xáo trộn trong sản xuất và tăng thêm chi phí của Công ty, thay đổi quy trình.

Rủi ro cạnh tranh

Ngành tôm Việt Nam hiện có rất nhiều doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu, tuy nhiên quy mô toàn ngành sản xuất chưa được tổ chức tốt, có nhiều công ty nhỏ lẻ bán phá giá đã làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, thương lái Trung Quốc luôn cạnh tranh với Công ty trong việc thu mua tôm nguyên liệu, khiến giá tôm bị đẩy lên cao, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về các yếu tố đầu vào

Nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là tôm giống, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh, ... Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết tại từng thời điểm, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

Rủi ro nguồn nhân lực

Tính chất của ngành chế biến thủy sản là luôn cần một lực lượng lớn lao động sản xuất chế biến. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn diễn ra ở mức độ cao, do đó, rủi ro về thiếu hụt nhân lực luôn thường trực.



Ngoài ra, Công ty luôn chuẩn bị sẵn sàng để giảm thiểu rủi ro này bằng cách chăm sóc tốt điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, thường xuyên chăm lo đào tạo nâng cao trình độ tay nghề của đội ngũ nhân viên. Tuyển dụng, phát hiện, bồi dưỡng và đào tạo các cấp quản lý trung gian. Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý. Đặc điểm của nguồn nhân lực này là ít biến động. Do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp cao là thấp.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, ... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết cho cổ đông hiện hữu. Ngoài ra, tình hình kinh tế vĩ mô đang trong giai đoạn phục hồi nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro từ ảnh hưởng của kinh tế thế giới và những nguy cơ từ nội tại nền kinh tế trong nước, thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua do đó cũng có nhiều biến động. Thị giá của nhiều cổ phiếu trên các sàn giao dịch HOSE, HNX, UPCOM nhìn chung thấp hơn giá trị thực. Đây cũng là những rủi ro ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông hiện hữu về việc mua cổ phiếu phát hành thêm.

Trong trường hợp cổ phiếu chào bán không được mua hết và số tiền thu được không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán mà cụ thể là không đủ để bổ sung vốn lưu động cho FMC, thì Công ty sẽ tiếp tục sử dụng nguồn vốn sẵn có từ hoạt động kinh doanh để bổ sung đầu tư. Ngoài ra, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT phân phối số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn số và số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt này tối đa là 8.040.000 cổ phiếu, bằng 20% lượng cổ phiếu của Công ty đang lưu hành. Sau khi toàn bộ lượng cổ phiếu trong đợt phát hành thêm này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường, nhà đầu tư nên lưu ý là lượng cổ phiếu chào bán thêm sẽ khiến cho tổng số cổ phiếu lưu hành của Công ty tăng lên.

Trong đợt chào bán sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS (Earning Per Share); (ii) giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.



Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phần lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cho mục đích đầu tư chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận ngay trong năm 2019. Vì vậy, do ảnh hưởng của việc phát hành thêm 8.040.000 cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, EPS có thể bị pha loãng từ 4.254 đồng/cổ phiếu xuống 3.545 đồng/cổ phiếu.

Nội dung	Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	LNST dự kiến 2019 (Đồng)	EPS 2019 dự kiến (đồng/cổ phiếu)
Trước khi phát hành	40.200.000	171.000.000.000	4.254
Ảnh hưởng của chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	8.040.000		3.545

(*) LNST dự kiến 2019 này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua ngày 05/04/2019.

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Việc phát hành thêm cổ phần sẽ làm pha loãng giá trị cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm phát hành cổ phiếu, giá trị của cổ phiếu Công ty sẽ bị pha loãng theo công thức sau:

$$\text{Giá tham chiếu điều chỉnh} = (P(t-1) + (I1 * Pr)) / (1 + I1)$$

Trong đó:

P(t-1): là giá đóng cửa của cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền

Pr: là giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

I1 : Tỷ lệ vốn tăng do chào bán cho cổ đông hiện hữu

Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu

Việc phát hành một lượng cổ phiếu ra thị trường cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm / tỷ lệ cổ phiếu đang lưu hành là 20%. Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra khi khối lượng chào bán vượt quá khả năng hấp thụ của cổ đông. Đối với các cổ đông từ chối quyền mua, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm xuống. Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt phát hành này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách



nhiệm giữa các cấp quản trị. Để hạn chế rủi ro quản trị, Công ty có các quy định về phân quyền và trách nhiệm cụ thể giữa các thành viên trong bộ máy quản lý Công ty và thực hiện tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị công ty quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và áp dụng chế độ báo cáo, công bố thông tin chặt chẽ.

7. Rủi ro khác

Do tính chất hoạt động kinh doanh, Công ty còn có thể chịu những rủi ro khác như sự thay đổi chính sách thuế xuất nhập khẩu; các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế như lạm phát, thay đổi lãi suất; các vụ kiện chống bán phá giá.

Ngoài ra còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như: các hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch bệnh, hỏa hoạn, cháy nổ v.v... ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất của Công ty. Do đó, Công ty cần chú trọng đề phòng, bảo hiểm về tài sản và người lao động, tập huấn kỹ năng cho người lao động, ... để hạn chế thiệt hại nếu những rủi ro này không may xảy ra.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC)

Ông Hồ Quốc Lực	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Hoàng Việt	Chức vụ: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Tô Minh Chăng	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

Bà **Nguyễn Ngọc Anh** Chức vụ: Giám đốc Khối - Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Giấy ủy quyền số: 08/2019/UQ-SSI do Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ký ngày 03/06/2019)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC	: Báo cáo tài chính
BGD	: Ban Tổng Giám đốc
CTCP	: Công ty Cổ phần
EU	: Thị trường Châu Âu
Fimex / FMC / Công ty / Sao Ta	: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	: Điều lệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Phát hành ESOP	: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
Số CMND	: Số Chứng minh nhân dân
Sở KH&ĐT	: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Tổ chức thực hiện chào bán	: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
TP.HCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
Thuế VAT	: Thuế Giá trị gia tăng
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UPCOM	: Thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết
VASEP	: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam
VND	: Việt Nam đồng
VSD	: Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam – CN TP.HCM



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Giới thiệu chung về Công ty

- Tên gọi Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**
- Tên giao dịch đối ngoại: **Sao Ta Food Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **FIMEX VN**
- Địa chỉ: **Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng**
- Điện thoại: **(0299) 3822223 – 3822201 Fax: (0299) 3822122-3825665**
- Website: **http://www.fimexvn.com**
- Mã số thuế: **2200208753**
- Vốn điều lệ hiện tại: **402.000.000.000 đồng**
- Giấy Chứng nhận ĐKKD: **Số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 12 năm 2002 và thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 04 năm 2019.**
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020 (Chính)
2	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. <i>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản</i>	6810
4	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Xuất khẩu, bán buôn mặt hàng thủy sản, nông sản.</i>	4632
5	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn</i>	5510
7	Bán buôn đồ uống	4633
8	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
9	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
10	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11	Cho thuê xe có động cơ	7710



TT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến</i>	4659

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
1996	Tiền thân của Công Cổ phần Thực phẩm Sao Ta là công ty 100% vốn của Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng với vốn cố định là 19 tỷ và vốn lưu động khoảng 2 tỷ đồng. Công ty chính thức đi vào hoạt động ngày 03/02/1996, với hoạt động kinh doanh chính là chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu
10/2002	Ủy ban nhân dân Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần
2003	<ul style="list-style-type: none"> - 01/2003: Công ty chính thức chuyển thành cổ phần với tên là: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 77% sở hữu. - 11/2003: Công ty giảm vốn điều lệ xuống 60 tỷ đồng, phần vốn nhà nước còn 60%.
08/2005	Công ty thực hiện đấu giá 11% vốn điều lệ nhằm giảm tỷ lệ sở hữu vốn nhà nước xuống 49%.
2006	<ul style="list-style-type: none"> - 06/2006: Tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán TP . HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM), Công ty tiếp tục đấu giá 16 tỷ đồng. - 12/2006: Cổ phiếu Công ty được niêm yết lần đầu trên sàn HOSE với mã chứng khoán FMC và tổng số lượng niêm yết là 6.000.000 cổ phiếu, trong đó Nhà nước chiếm 20%.
2007	Công ty tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược.
02/2009	Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định để cổ phiếu FMC được tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), đến tháng 02/2009 công ty phát hành xong thêm 1 tỷ đồng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 17,25%.



Thời gian	Những cột mốc phát triển quan trọng
03/2013	Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty Cổ phần Hùng Vương, tăng vốn điều lệ Công ty lên 130 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 10,62%.
12/2014	Công ty đã phát hành thành công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ Công ty từ 130 tỷ đồng lên thành 200 tỷ đồng.
03/2016	Công ty tiếp tục phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.
2017	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 390 tỷ đồng.
2018	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 1.200.000 cổ phiếu cho nhân viên, nâng vốn điều lệ từ 390 tỷ đồng lên 402 tỷ đồng.

Các thành tích đạt được

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu cao quý như:

- Cờ thi đua của Chính phủ liên tục trong 08 năm liền, từ năm 1997 đến năm 2004.
- Huân chương Lao động hạng 2 năm 1998.
- Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2000.
- Cúp Phù Đổng năm 2005 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam khen thưởng; Được Bộ Lao động và Thương binh xã hội phối hợp cùng Bộ Thương mại, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam khen thưởng 01 trong 100 doanh nghiệp sử dụng lao động tiêu biểu trong cả nước.
- Huân chương Lao động hạng I năm 2005.
- Cúp vàng vì sự nghiệp phát triển cộng đồng năm 2006.
- Top dẫn đầu uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh, 8 năm liền từ năm 1997-2004 và năm 2006 Công ty được Chính phủ tặng thưởng Cờ thi đua.
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng trao tặng cờ thi đua vì thành tích hoạt động tốt và tích cực tham gia công tác phúc lợi xã hội địa phương.
- Kỷ niệm chương vì thành tích xuất khẩu ở Hiệp hội VASEP.
- Nhiệm năm liền Công ty đạt thành tích doanh nghiệp vì người lao động.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/04/2016.

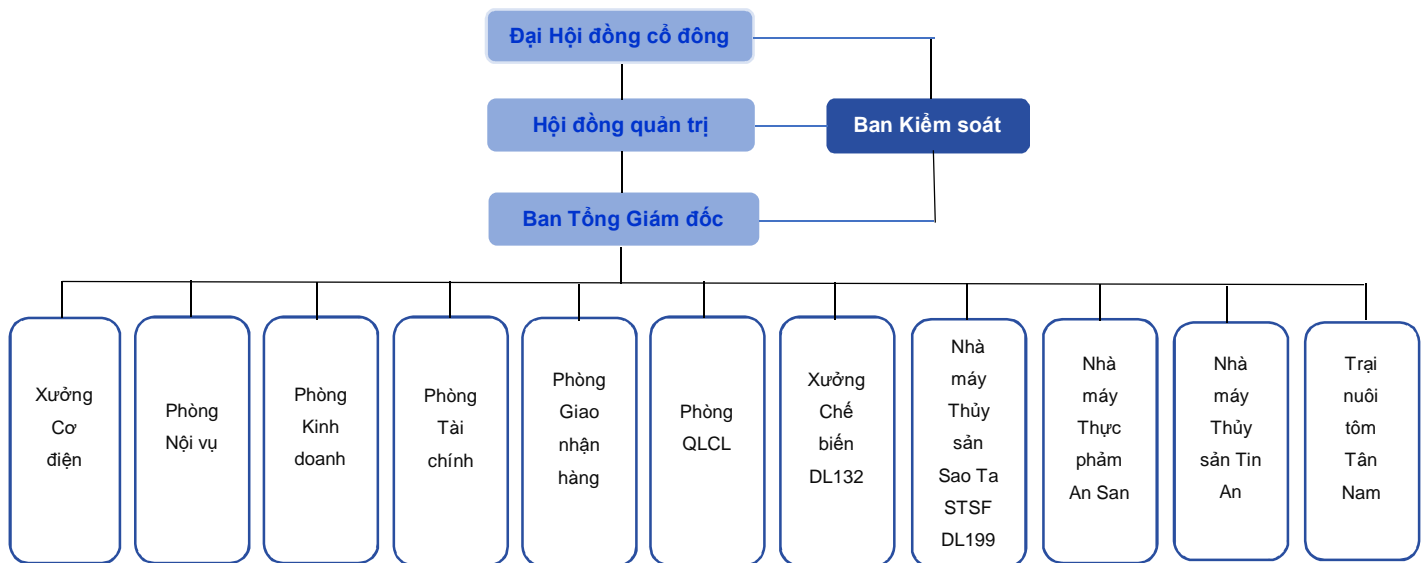
Văn phòng Công ty

Nơi đặt trụ sở chính của Công ty, có văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban nghiệp vụ gồm: Phòng Nội vụ, Phòng Thương mại, Phòng Tài chính, Phòng Quản lý chất lượng và công nghệ, Xưởng chế biến, Xưởng cơ điện.

Địa chỉ: Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 5: Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty



Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, cụ thể bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và 11 khối nghiệp vụ.

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.



Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do ĐHĐCĐ bầu. Hội đồng Quản trị hiện tại gồm 05 thành viên, bao gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách Hội đồng Quản trị của Công ty

1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT
4	Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT
5	Đặng Kiệt Tường	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành công ty. Ban Kiểm soát hiện gồm 03 (ba) thành viên.

Danh sách Ban Kiểm soát của Công ty

1	Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng Ban kiểm soát
2	Chung Thanh Tâm	Thành viên BKS
3	Triệu Tương Long	Thành viên BKS

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ban Tổng Giám đốc gồm 05 thành viên (trong đó có 01 Tổng Giám đốc và 04 Phó Tổng Giám đốc) và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện pháp luật của Công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành công ty. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng hỗ trợ Tổng Giám đốc thực hiện các công việc theo sự phân công.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty

1	Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc
2	Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc



3	Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc
4	Đình Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc
5	Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc

Chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Công nghệ và Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Xưởng Chế biến, Nhà máy Thực phẩm An San, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta, Nhà máy Thủy sản Tin An.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt danh sách trên mức vốn thực góp hiện tại.

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan tại thời điểm 06/03/2019.

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của FMC

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Tập đoàn PAN	Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	17.556.730	175.567.300.000	43,67%
2	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Ấp 9, Tân Thạch, Châu Thành, Bến Tre	8.089.000	80.890.000.000	20,12%
	Tổng cộng		25.645.730	256.457.300.000	63,79%

Nguồn: Công ty

Danh sách những người có liên quan:

Được đính kèm trong Hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng cùng Bản cáo bạch này theo như quy định tại Khoản 34 điều 6 Luật Chứng khoán về người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau.

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 06/03/2019.



Bảng 2: Cơ cấu cổ đông

TT	Danh mục	Số lượng (người)	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng số vốn thực góp	1.843	40.200.000	402.000.000.000	100,00%
II	Trong nước	1.715	37.521.034	375.210.340.000	93,34%
1	Cá nhân	1.689	9.834.938	98.349.380.000	24,47%
2	Tổ chức	26	27.686.096	276.860.960.000	68,87%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
III	Nước ngoài	128	2.678.966	26.789.660.000	6,66%
1	Cá nhân	104	255.247	2.552.470.000	0,63%
2	Tổ chức	24	2.423.719	24.237.190.000	6,03%

Nguồn: Công ty

- 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

Không có

- 6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty**

Quá trình tăng vốn của Công ty

Cùng với sự phát triển của Công ty, vốn điều lệ của FMC thay đổi như sau:

Đơn vị: Đồng

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Năm 2003	01/01/2003	85.000.000.000	104.000.000.000	Cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ 77%	Sở KH&ĐT
Năm 2003	22/11/2003	(44.000.000.000)	60.000.000.000	Giảm vốn Nhà nước còn 60%	Sở KH&ĐT



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



Đơn vị: Đồng

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Năm 2007	Lần 1: 20/07/2007	10.000.000.000	70.000.000.000	Phát hành 900.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và thưởng 100.000 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt.	UBCKNN
Năm 2008	Lần 2: 21/05/2008	9.000.000.000	79.000.000.000	Phát hành riêng lẻ 1.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 48.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN
Năm 2009	Lần 2: 01/02/2009	1.000.000.000	80.000.000.000	Cổ đông sáng lập góp vốn để tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra ngày 04/04/2008.	UBCKNN
Năm 2013	Lần 3: 30/03/2013	50.000.000.000	130.000.000.000	Phát hành riêng lẻ 5.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.500 đồng/cổ phiếu	UBCKNN
Năm 2014	Lần 4: 31/03/2015	70.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành ra công chúng 6.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành là 15.000 đồng/cổ phiếu và 500.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN
Năm 2016	Lần 5: 25/03/2016	100.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành ra công chúng 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



Đơn vị: Đồng

Thời điểm	Lần tăng	Giá trị vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Ghi chú
Năm 2017	Lần 6: 23/05/2017	90.000.000.000	390.000.000.000	Phát hành ra công chúng 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN
Năm 2018	Lần 7: 20/06/2018	12.000.000.000	402.000.000.000	Phát hành 1.200.000 cổ phiếu cho người lao động	UBCKNN

Nguồn: Công ty

Tình hình sử dụng vốn thu được từ các đợt phát hành tăng vốn điều lệ.

Từ năm 2017 đến nay, Công ty đã hoàn tất 02 lần tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 402 tỷ đồng thông qua phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và 1.200.000 cổ phiếu cho người lao động với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu. Chi tiết phương án như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Giá trị phát hành thêm	Mục đích sử dụng
1	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	90.000.000.000	Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng vào mục đích bổ sung vào vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty
2	Phát hành cho người lao động	12.000.000.000	
	Tổng cộng	102.000.000.000	

Ngày 19/09/2017 và ngày 11/07/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn xác nhận về báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của FMC với tổng thu ròng từ đợt chào bán là 102.000.000.000 đồng. Công ty đã sử dụng vốn huy động được bổ sung vào vốn lưu động để nâng cao năng lực tài chính và sản xuất kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 và năm 2018.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm



Tiền thân là doanh nghiệp nhà nước với vốn điều lệ 21 tỷ đồng, Công ty Fimex đã có 23 năm hoạt động trong lĩnh vực thủy sản đặc biệt là sản phẩm tôm xuất khẩu. Ngay từ khi hoạt động đến nay, Công ty luôn nằm trong top 05 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu thủy sản cao nhất Việt Nam.

Từ năm 2013, Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang mảng chế biến nông sản nhưng tỷ trọng doanh thu mang về vẫn còn khá khiêm tốn.

7.1.1 Các sản phẩm chính của Công ty

Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản phẩm tôm đông lạnh và sản phẩm nông sản xuất khẩu. Thị trường xuất khẩu chủ lực của Fimex là Nhật Bản, EU, Mỹ chiếm hơn 90% doanh thu xuất khẩu của Công ty.

Sản phẩm tôm xuất khẩu: với nhiều mẫu mã đa dạng và phong phú như Tôm PD, PDTO dạng tươi; Tôm IQF dạng tươi, hấp và luộc; Tôm Nobashi, tôm Sushi, tôm tẩm bột, tôm chiên, ... và các sản phẩm khác.

Sản phẩm Tôm Tươi Sống



RAW PDTO VANNAMEI



HO CENTRAL PEELED BT



PDTO BLACK TIGER



NOBASHI VANNAMEI

Sản phẩm Tôm Nấu Chín



COOKED IN SHELL VANNAMEI



COOKED PDTO VANNAMEI



SHRIMP RING



COOKED IN SHELL BLACK TIGER

Sản phẩm Tôm Tẩm Bột



PTO VANNAMEI CRUMBBLEND COCONUT
BREADED



PTO BUTTERFLY VANNAMEI BREADED SHRIMP



TEMPURA BLACK TIGER



PTO BUTTERFLY BLACK TIGER BREADED SHRIMP

Sản phẩm nông sản xuất khẩu: chủ yếu là các dạng vegetable mix, kakiage bên cạnh cà tím, khoai lang, đậu bắp ở nhiều dạng chế biến như hấp, chiên, nướng, ...

Sản Phẩm Nông Sản



RAU CỦ TRỘN ĐÔNG LẠNH



RAU CỦ TRỘN ĐÔNG LẠNH



NÔNG THỦY SẢN PHỐI CHẾ CHIÊN



NÔNG THỦY SẢN PHỐI CHẾ CHIÊN

7.1.2 Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		6 tháng 2019	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bán hàng thủy sản	3.379.827	96,6%	3.683.180	96,8%	1.557.787	95,6%



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



2	Bán hàng nông sản	118.014	3,4%	123.480	3,2%	70.925	4,4%
Tổng cộng		3.497.841	100,0%	3.806.660	100,0%	1.628.712	100,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Hoạt động kinh doanh chính của FMC là chế biến tôm và nông sản xuất khẩu, trong năm 2018 tổng doanh thu Công ty đạt 3.807 tỷ đồng, tăng 8,8% so với năm tài chính 2017 và vượt kế hoạch cả năm, nhờ vào hai lĩnh vực chính như sau:

- Doanh thu từ thủy sản đạt 3.683 tỷ đồng, tăng trưởng 9,0% so với năm 2017, tương ứng sản lượng tiêu thụ là 14.175 tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ. Công ty vẫn tập trung vào ba thị trường chính là Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, đồng thời mở rộng thành công sang thị trường Úc với sản lượng và doanh thu tăng trưởng đột biến, lần lượt 6,7 lần và 8,0 lần so với năm 2017. Thêm vào đó, nhờ tăng số lượng ao nuôi từ 160 lên 250 ao trên tổng diện tích 200 ha đã giúp Công ty chủ động nguồn nguyên liệu sạch. Đồng thời, trong năm Công ty đã triển khai 02 dự án nuôi tôm trên diện rộng: (i) nuôi tôm sạch kỹ thuật cao tại Vĩnh Châu, Sóc Trăng và (ii) dự án nuôi tôm sạch kỹ thuật cao quy trình CPF góp phần đáng kể trong việc kiểm soát chi phí đầu vào.
- Doanh thu từ nông sản đạt 123 tỷ đồng, tăng 4,6% so với năm 2017, tương ứng sản lượng tiêu thụ là 1.378 tấn, với các sản phẩm chủ đạo như: vegetable mix, kakiage bên cạnh cà tím, khoai lang, đậu bắp ở nhiều dạng chế biến như hấp, chiên, nướng, ... Phần lớn nông sản được xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, chiếm 90% tổng doanh thu nông sản.

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		6 tháng 2019	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Bán hàng thủy sản	234.965	86,2%	353.533	89,6%	146.533	80,5%
2	Bán hàng nông sản	37.641	13,8%	41.147	10,4%	35.599	19,5%
Tổng cộng		272.606	100,0%	394.680	100,0%	182.132	182.132

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Năm 2018, tổng lợi nhuận gộp của FMC đạt 395 tỷ đồng, tăng trưởng 44,8% so với năm 2017. Trong đó, mảng xuất khẩu tôm đông lạnh luôn là lĩnh vực chủ đạo của Công ty, đạt giá trị 354 tỷ đồng, tăng 50,5% so với năm 2017, với tỷ suất lợi nhuận gộp trên Doanh thu thuần đạt 9,6% trong năm 2018 nhờ vào việc đồng bộ trong hoạt động, điển hình là chế biến tôm gắn liền với nuôi tôm giúp Công ty chủ động



nguồn nguyên liệu sạch và thuận tiện quá trình truy xuất nguồn gốc khi xuất khẩu tại các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU và Mỹ.

Tỷ suất lợi nhuận gộp từ chế biến và xuất khẩu nông sản đạt rất cao 33,3% trên doanh thu thuần trong năm 2018, tương ứng 41 tỷ đồng. Dự kiến trong thời gian sắp tới, Công ty sẽ mở rộng Nhà máy An Sơn tăng công suất xưởng chiên để chế biến tempura, fritter, kakiage nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Bảng 5: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017			Năm 2018			6 tháng 2019		
		Giá trị	%/TCP	%/DTT	Giá trị	%/TCP	%/DTT	Giá trị	%/TCP	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	3.225.236	94,7%	92,2%	3.411.980	94,1%	89,6%	1.446.581	93,7%	88,8%
2	Chi phí tài chính	35.215	1,0%	1,0%	34.207	0,9%	0,9%	14.366	0,9%	0,9%
3	Chi phí bán hàng	98.370	2,9%	2,8%	101.364	2,8%	2,7%	47.367	3,1%	2,9%
4	Chi phí QLDN	46.677	1,4%	1,3%	76.602	2,1%	2,0%	31.963	2,1%	2,0%
5	Chi phí khác	569	0,0%	0,0%	73	0,0%	0,0%	2.889	0,2%	0,2%
Tổng chi phí (TCP)		3.406.066	100%	97,4%	3.624.226	100%	95,2%	1.543.165	100%	94,7%
Doanh thu thuần (DTT)		3.497.841			3.806.660			1.628.712		

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Tỷ lệ Tổng Chi phí/Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2018 đạt mức 95,2%, giảm nhẹ so với tỷ lệ 97,4% của năm 2017, trong đó chủ yếu đến từ tỷ lệ Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần.

- *Giá vốn hàng bán* của Công ty năm 2018 đạt 3.412 tỷ đồng, tăng 5,8% so với năm 2017. Với đặc thù ngành chế biến thủy sản thì giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn với hơn 90% trên tổng chi phí. Trong cơ cấu giá vốn hàng bán, nguyên liệu tôm chiếm tỷ trọng lên đến 80%. Giá nguyên liệu trong năm biến động theo chiều hướng giảm dần đến đầu quý 3/2018 và tăng nhẹ vào những tháng cuối năm. Bên cạnh đó, lượng lao động và chi phí lương công nhân bình quân tăng 36,6% cũng góp phần tăng giá vốn hàng bán.
- *Chi phí bán hàng* của Công ty năm 2018 đạt 101 tỷ đồng, tăng 3,0% so với mức 98 tỷ đồng của năm 2017, chủ yếu là do tăng chi phí nhân viên, hoa hồng môi giới và các chi phí bán hàng khác nhằm tăng sản lượng hàng bán và duy trì quan hệ khách hàng.
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* của Công ty năm 2018 đạt gần 77 tỷ đồng (tương ứng 2,0% trên doanh thu), tăng 64,1% so với mức 47 tỷ đồng của năm 2017 (tương ứng 1,4% trên doanh thu), chủ yếu từ việc tăng chi phí nhân viên và chi phí khác.



- Chi phí tài chính của Công ty đạt hơn 73 tỷ đồng, giảm 2,9% so với năm 2017 do Công ty giảm tỷ trọng nợ vay ngân hàng từ 976 tỷ đồng xuống 593 tỷ đồng, giảm 39,2% so với cùng kỳ nên tối thiểu hóa chi phí lãi vay.

7.2. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực đầu tư, sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ chính của tổ chức phát hành

Bảng 6: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
1	Máy móc đang chờ lắp đặt	-	-	-
2	Nhà máy Tin An	-	-	-
3	Ao tôm Tân Nam	2.096	8.881	2.530
4	Máy móc đang chờ lắp đặt	1.001	3.448	-
5	Kho lạnh 5.000 tấn	-	-	1.284
6	Khác	-	311	-
Tổng cộng		3.097	12.640	3.814

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

7.3. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm luôn cố gắng tìm kiếm, giới thiệu những sản phẩm mới, có chất lượng cao đến khách hàng, Công ty không ngừng cải tiến, hoàn thiện chất lượng sản phẩm.

Từ năm 2014 trở lại đây, FMC đã có nhiều thành công trong việc cải tiến và phát triển sản phẩm tinh chế có tỷ suất lợi nhuận cao, sức cạnh tranh mạnh, trở thành mũi nhọn chiến lược trong chiến lược sản phẩm của FMC từ nay về sau. Cụ thể các sản phẩm mới Công ty đang phát triển:

- **Tôm tempura:** Kỹ thuật chiên tempura sao chín vừa tới, mẫu mã đẹp bột bao bung như hoa và nhất là không khô cứng sau khi để nguội. Nhiều năm trước đây Fimex và các nhà máy công ty khác không thể phát triển mặt hàng này do không thể đáp ứng các yêu cầu trên. Qua quá trình thực nghiệm nhiều lần, đội ngũ chuyên viên của công ty đã từng bước nắm giữ được kỹ thuật mang tính bí quyết này và vươn lên thành nhà máy có đơn hàng tôm chiên lớn nhất ở miền tây và sản phẩm của Công ty được đánh giá là ngon, đẹp nhất.

Fimex đã hai lần mở rộng công suất chế biến của xưởng tôm tempura từ 40.000 con/ngày lên 60.000 con và năm 2015 vừa hoàn thiện nâng cấp cấp đông bằng máy IQF thay vì tủ đông gió, nâng cao năng suất cấp đông, giảm thiểu chi phí lao động và công suất chung của xưởng lên 80.000 con/ngày.

Đây là một trong những món ăn truyền thống của người Nhật Bản nhưng hiện nay Công ty đã mở rộng thêm việc xuất khẩu sản phẩm này sang thị trường thứ 2 đó là Hoa Kỳ.

- **Tôm và nông sản phối chế:** Kakiage nguyên gốc là các mặt hàng rau củ trộn bột chiên. Công ty đã thử nghiệm thành công và khách hàng đã tiêu thụ tốt khi bổ sung tôm thịt mặt trên của bánh, nâng giá thành của sản phẩm tăng gấp hai lần. Việc thử nghiệm này tốn khá nhiều thời gian và công sức vì phải làm cách nào để cho sự phối chế và nhiệt độ chiên của các thành phần đều vừa chín tới. Và đây cũng chính là bí quyết riêng của Công ty và thu hút được đa số người tiêu dùng kể cả những người tiêu dùng khó tính nhất. Mặt hàng này chiếm 1/3 doanh số và ½ tiền lãi của nhà máy thực phẩm An San – đơn vị trực thuộc Fimex.

7.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Chất lượng sản phẩm là ưu tiên hàng đầu của Công ty. Các chứng nhận an toàn thực phẩm công ty đạt được:

- Chứng nhận về điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh (HACCP): được cấp bởi chứng nhận số 240/2015/QLCL-CNDK ngày 09/06/2015 của NAFIQAD.



- Chứng nhận về chuẩn mực toàn cầu đảm bảo khả năng thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng và nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng trong các mối quan hệ nhà cung cấp-khách hàng (ISO 9001:2008): Được cấp bởi chứng nhận số 38111309001 ngày 13/08/2015 của Intertek.



- Chứng nhận về tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm của Hiệp hội bán lẻ Anh (BRC): Chứng nhận số 381A12080011 ngày 06/07/2015 được cấp bởi Intertek.



- Chứng nhận về tiêu chuẩn thực phẩm phổ biến với hệ thống đánh giá đồng nhất sử dụng đánh giá chất lượng & chọn lựa nhà cung ứng (IFS): Được cấp chứng nhận số 2015-210 của Intertek ngày 22/07/2015.



- Ngoài ra Công ty đang áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, cụ thể: ISO 14001, HALAL, BAP, ASC,... – Đây là những hệ thống về quản lý chất lượng cũng như các tiêu chuẩn về môi trường, xã hội, an toàn thực phẩm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm của Công ty nhằm thỏa mãn các yêu cầu của khách hàng.



7.5. Tình hình tuân thủ pháp luật và bảo vệ môi trường

Chế biến tôm và nông sản là hoạt động gây ra ô nhiễm môi trường với các nguyên nhân gây ô nhiễm chính là ô nhiễm chất thải (nước thải, chất rắn thải). Hiểu rõ việc bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng trong ngành chế biến, do đó Công ty luôn tuân thủ đúng các tiêu chuẩn, quy tắc và luật định nhằm xây



dựng một môi trường sản xuất ổn định và bền vững. Theo đó, trong năm Công ty không bị xử phạt về vi phạm quy định bảo vệ môi trường.

7.6. Hoạt động Marketing

Việt Nam có thế mạnh về phát triển nông – lâm – ngư nghiệp, do đó thương hiệu “FIMEX VN” và logo của Công ty đã được các thị trường lớn như: Nhật Bản, EU, Mỹ... chấp nhận. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động quảng bá thương hiệu, sản phẩm và chất lượng sản phẩm của mình đến các khách hàng truyền thống và khách hàng tiềm năng bằng các phương pháp phổ thông như tham gia các hội chợ thủy sản, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Việc Fimex là một công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, thường xuyên thực hiện nhiều nghĩa vụ công bố thông tin, cổ phiếu được đưa vào các chỉ số lớn của thị trường chứng khoán cũng giúp cho hình ảnh Công ty được quảng bá rộng rãi hơn.

Vấn đề xúc tiến thương mại được Ban lãnh đạo Công ty xác định là công việc thường xuyên và liên tục. Do trình độ công nghệ thông tin, liên lạc ngày càng phát triển và thuận tiện, vì vậy việc tìm kiếm khách hàng cũng thuận lợi hơn rất nhiều. Đặc biệt qua các kỳ hội chợ trong nước và quốc tế như: Hội chợ thủy sản ở Boston (Hoa Kỳ), Hội chợ thủy sản ở Brussels (Bi), Hội chợ thủy sản ở Nhật Bản, Hội chợ Vietfish của Việt Nam... Công ty đã gặp gỡ và giao lưu với nhiều khách hàng cũ cũng như mới, từ đó mở ra được các cơ hội tốt cho công việc bán hàng của mình.

Về chính sách giá cả, Công ty dựa vào chi phí sản xuất thực tế, mặt bằng giá bán của các đối thủ cạnh tranh, kết quả đàm phán với từng khách hàng để có những chính sách giá cả hợp lý và linh động, đảm bảo lợi ích cho khách hàng và Công ty.

7.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Thương hiệu đăng ký : **Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Logo Công ty :



Logo của Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa độc quyền tại Việt Nam theo Quyết định số 3150/QĐNH ngày 15/10/1996 do Cục sở hữu công nghiệp Việt Nam cấp và được cấp lại theo Quyết định số 201/QĐ-ĐK ngày 12/05/2003, đồng thời cũng đã đăng ký tại Nhật Bản theo giấy chứng nhận số 4835631 ngày 28/01/2005 do Cơ quan xét và cấp bằng sáng chế của Nhật Bản là Japan Patent Office cấp.

7.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện nay, hợp đồng với các khách hàng truyền thống của Công ty trung bình chiếm 90% sản lượng, phần còn lại là các khách hàng mới.



Bảng 7: Danh sách các hợp đồng lớn

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Số hiệu Hợp đồng	Ngày ký	Khách hàng	Sản phẩm	Giá trị HĐ dự kiến	Thời gian thực hiện	Tình trạng
1	064/ASFS/2019	08/04/19	Amanda Seafood Private Limited	Tôm IQF	5.192.000	05/2019	Đang thực hiện
2	037/ASFS/2019	04/03/19	Amanda Seafood Private Limited	Tôm IQF	2.147.200	05/2019	Đang thực hiện
3	038/ASFS/2019	04/03/19	Amanda Seafood Private Limited	Tôm IQF	2.693.200	04/2019	Đang thực hiện
4	39/KTLS-FM/19	27/03/19	Thang Long Seafood Co.. LTD	Tôm Nobashi	1.694.620	05/2019	Đang thực hiện
5	40/KTLS-FM/19	27/03/19	Thang Long Seafood Co.. LTD	Tôm Nobashi	1.813.000	04/2019	Đang thực hiện
6	25/KTLS-FM/19	08/03/19	Thang Long Seafood Co.. LTD	Tôm IQF	668.400	05/2019	Đang thực hiện
7	53/KTLS-FM/19	16/04/19	Thang Long Seafood Co.. LTD	Tôm IQF	640.278	05/2019	Đang thực hiện
8	001/FM-GMPP KR/19	13/03/19	Goodman Premier Partners Co.. LTD	Tôm IQF	750.750	07/2019	Đang thực hiện
9	HIC-02273-001	07/03/19	Higashimaru International Corporation	Tôm bột, Nobashi	552.072	03/2019	Đang thực hiện
10	RHBIN7-1-2019W58TO	19/02/19	K&H Food Impex GMBH	Tôm bột	2.322.990	06/2019	Đang thực hiện

Nguồn: Công ty

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

8.1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm 2018/2017	6 tháng 2019
1	Tổng giá trị tài sản	1.655.908	1.495.244	-9,7%	1.511.259
2	Doanh thu thuần	3.497.841	3.806.660	8,8%	1.628.712
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	113.571	193.671	70,5%	96.597



4	Lợi nhuận khác	(330)	355	n/a	(544)
5	Lợi nhuận trước thuế	113.241	194.027	71,3%	96.054
6	Lợi nhuận sau thuế	111.028	180.496	62,6%	91.841
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	45%	20%	n/a	n/a

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Kết thúc năm 2018, Công ty đạt được kết quả kinh doanh vượt bậc, cao nhất trong 5 năm gần đây, doanh thu thuần đạt 3.807 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 180 tỷ đồng, với mức tăng trưởng lần lượt là 8,8% và 62,6% vượt chỉ tiêu kế hoạch đầu năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 16/NQ_ĐHĐCĐ ngày 23/03/2018, nguyên nhân chính từ các yếu tố sau:

- Trong năm, Công ty đã tiến hành cải tạo mới và nuôi tôm trên diện rộng với diện tích 160 ha, giúp tăng số lượng ao nuôi từ 160 lên gần 250 ao, dẫn đến sản lượng thu hoạch nuôi tôm đạt mức tăng trưởng cao nhất từ khi FMC bắt đầu nuôi tôm đến nay và chất lượng sản phẩm luôn duy trì mức tốt nhất đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Đồng thời, nhờ vào định hướng chiến lược đúng thời điểm của Ban lãnh đạo, cụ thể tận dụng giá nguyên liệu biến động thất thường và dự báo sẽ điều chỉnh giảm vào cuối năm 2018 nên ngay từ cuối năm 2017, Công ty đã đẩy mạnh việc ký kết hợp đồng xuất khẩu với giá bán cao để hưởng lợi giúp Fimex đạt hiệu quả tốt nhất trong năm tài chính 2018.

Tổng giá trị tài sản của Công ty trong năm 2018 giảm 9,7% so với năm 2017, chủ yếu Công ty dùng tiền mặt để trả nợ vay ngắn hạn ngân hàng, giảm chi phí lãi vay ngân hàng từ 32 tỷ đồng (năm 2017) xuống còn 23 tỷ đồng (năm 2018) và tối thiểu hóa chi phí tài chính của Công ty. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ tại thời điểm 31/12/2018 đạt 837 tỷ đồng (tăng 12,5% so với năm tài chính 2017).

8.1.2 Các chỉ tiêu khác: Không có

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi

- Việc Việt Nam gia nhập TPP sẽ giúp cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản nói chung và Fimex nói riêng được giảm thuế nhập khẩu về 0%, giúp tăng kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường Hoa Kỳ và Nhật Bản;
- Công ty có nguồn tài chính lành mạnh do đó thuận lợi cho việc thu mua, dự trữ nguyên liệu trong giai đoạn hết vụ nuôi;
- Ban lãnh đạo Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến thủy sản, đặc biệt là nuôi trồng và chế biến tôm các loại;



- Đội ngũ công nhân viên có trình độ tay nghề cao, gắn bó lâu dài với Công ty;
- Uy tín thương hiệu sản phẩm của Công ty không ngừng được nâng cao.
- Công ty có vùng tôm tự nuôi tạo được thể mạnh có nguồn nguyên liệu sạch, nhằm tăng thêm uy tín thương hiệu trên thương trường.
- Công ty có được các chính sách ưu đãi từ các cấp chính quyền: Chính phủ ban hành Nghị định 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng có nhiều chương trình kiểm soát yếu tố đầu vào như quản lý thuốc thú y thủy sản, khuyến cáo nuôi sạch, xây dựng các chương trình Khuyến ngư để đưa kỹ thuật mới tới người nuôi gần nhất.
- Cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật từng bước làm chủ được công nghệ.

Khó khăn

- Tình hình nuôi tôm vẫn còn khó khăn dẫn đến rủi ro trong việc hoạch định kinh doanh;
- Giá tôm giảm do nguồn cung tôm thế giới tăng khiến mặt bằng giá tôm thế giới giảm (Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu tôm xuất khẩu đạt 376.200 tấn, thu về 3,53 tỷ USD, lần lượt giảm 2,5% về lượng và giảm 7,7% về trị giá so với năm 2017).
- Hàng rào kỹ thuật tại các thị trường lớn vẫn rất căng thẳng, gây khó cho việc hoạch định kế hoạch tiêu thụ sản phẩm;
- Tỷ giá biến động bất thường, sự mất giá đồng YEN và đồng EURO gây khó khăn cho Công ty khi xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản và thị trường Châu Âu, đồng thời tỷ giá USD / VND biến động liên tục sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược của Công ty;
- Các nhà máy chế biến sắp hình thành đều có quy mô lớn như tạo nên sự cạnh tranh gay gắt trong phạm vi hẹp về nguồn nguyên liệu, lao động...
- Giá nguyên liệu biến động thất thường, gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất. Nhiều nhà máy cạnh tranh trong quá trình thu mua nguyên liệu.
- Các quy định chặt chẽ về môi trường trong chế biến tôm và nông sản phải tăng cường tập trung vào vấn đề này.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

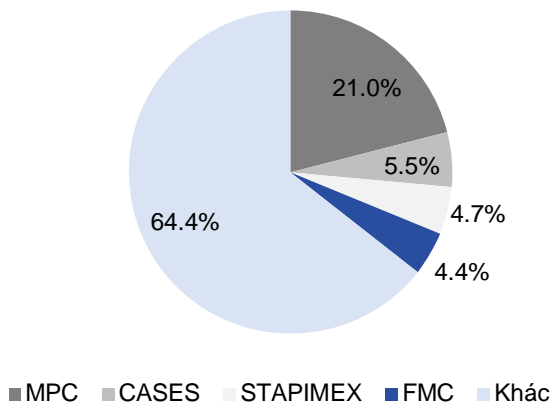
9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Top 05 doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn nhất Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực tập trung rất nhiều doanh nghiệp lớn và nhỏ với sự cạnh tranh khá gay gắt của ngành thủy sản Việt Nam, Công ty luôn ý

thức được vị thế của mình trong ngành để từ đó có những kế hoạch hợp lý, những quyết sách đúng đắn nhằm giữ vững và ngày một nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác.

Trong quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Suốt 9 năm liền gắn liền với hiệu quả kinh doanh rất cao, đồng thời cũng là doanh nghiệp nhiều năm dẫn đầu kim ngạch xuất khẩu thủy sản vào thị trường Nhật Bản (từ năm 1999 – 2004) và luôn nằm trong top 5 trong các doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu thủy sản lớn nhất nước kể từ khi bắt đầu hoạt động (năm 1997 đến nay) và vị thế này vẫn được giữ vững đến nay. Nhiều năm liền Công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào Nhật Bản.

Hình 6: Thị phần xuất khẩu tôm của Việt Nam trong năm 2018



Nguồn: Agromonitor

Vị trí nhà máy chế biến thuận lợi, Công ty đặt tại thành phố Sóc Trăng, gần trục lộ giao thông chính, liền kề khu dân cư và cách vùng nguyên liệu tôm trọng điểm của tỉnh Sóc Trăng từ 20-30km, giúp Công ty thuận lợi trong việc vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm, thu hút lao động cũng như mở rộng lĩnh vực sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng. Qua hơn 23 năm hoạt động Công ty đã đạt được nền tảng vững chắc tại 03 thị trường trọng điểm như Nhật Bản, EU và Mỹ. Trình độ chế biến tôm của FMC theo công nghệ hàng đầu Việt Nam đảm bảo chất lượng tốt và được tiêu thụ tại các hệ thống nhà hàng. Bên cạnh đó, từ 2008, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực nông sản tiêu thụ chính tại Nhật Bản với các sản phẩm chính như khoai lang, đậu bắp, cà tím, ớt chuông, được chế biến dưới dạng hấp, chiên, tươi, phối chế.

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

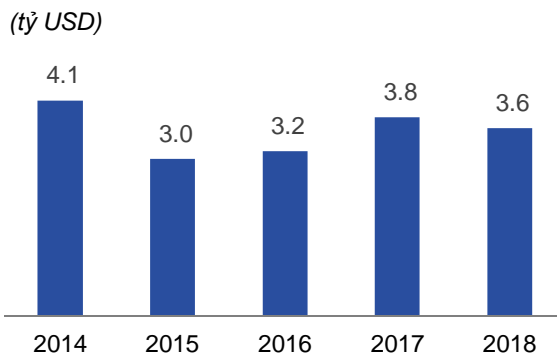
Tổng quan ngành tôm Việt Nam.

Sản lượng tôm xuất khẩu Việt Nam hiện chiếm đến 45% tôm toàn cầu giúp Việt Nam trở thành một trong những quốc gia có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất thế giới. Năm 2018 là một năm đầy nỗ lực trong việc đẩy mạnh xuất khẩu của ngành tôm Việt Nam trong bối cảnh khó khăn về tiêu thụ do nguồn cung tăng nhanh hơn nhu cầu không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước sản xuất tôm trên thế giới.

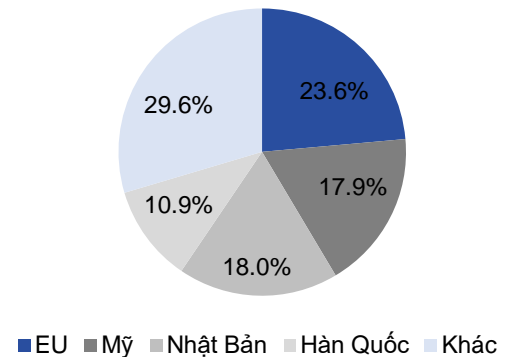
Xuất khẩu tôm hiện đang chiếm gần 50% kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành thủy sản và còn rất nhiều điều kiện để phát triển. Giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong năm 2018 đạt 8,8 tỷ USD, tăng 5,8% so với năm 2017, trong đó, xuất khẩu tôm đạt 3,59 tỷ USD, giảm 7.8% so với cùng kỳ (nguồn VASEP).

Trong Top 5 thị trường xuất khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam (chiếm 81% giá trị xuất khẩu), chỉ có Hàn Quốc tăng trưởng nhẹ 1% YoY, các thị trường còn lại là EU, Mỹ và Nhật Bản giảm lần lượt 2.8% YoY, 3.3% YoY và 9.2% YoY, đặc biệt thị trường Trung Quốc giảm đến 34% YoY sau khi tăng trưởng liên tục từ 2015 - 2017. Theo VASEP, nguyên nhân chủ yếu là do nhu cầu tiêu thụ tôm ở các thị trường lớn như Mỹ, Canada giảm do có bão tuyết, tồn kho cao từ năm trước ở các thị trường lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc và EU. Trong khi đó, thị trường Trung Quốc siết chặt nhập khẩu tôm đường tiểu ngạch nên các quốc gia như Ấn Độ, Ecuador, Indonesia, ... bị tồn kho cao, nên tăng cường xuất khẩu qua các thị trường khác với mức giá thấp hơn nhằm tiêu thụ hàng.

Hình 7: Kim ngạch xuất khẩu tôm



Hình 8: Xuất khẩu tôm theo thị trường



Nguồn: VASEP

Triển vọng phát triển ngành

Theo Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 - 2020 được Chính phủ phê duyệt, theo đó, phần đầu chủ động sản xuất 100% giống tôm sú, tôm chân trắng, là giống sạch bệnh đang tháo gỡ khó khăn về vấn đề giống cho các doanh nghiệp trong ngành đồng thời Bộ Nông nghiệp và các cơ quan quản lý hỗ trợ tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp xuất khẩu nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho ngành phát triển tốt nhất.

Với lợi thế từ Hiệp định thương mại Việt Nam – EU (EVFTA) dự kiến có hiệu lực trong năm 2019, theo đó thuế sẽ giảm xuống từ 14% còn 0% tại thị trường EU giúp Việt Nam tạo đột phá xuất khẩu mạnh vào 28 nước châu Âu với mục tiêu đạt giá trị xuất khẩu thị trường này là 1 tỷ USD đồng thời hướng đến tổng kim ngạch xuất khẩu toàn ngành tôm trong năm 2019 là 4 tỷ USD.



Bên cạnh đó, một loạt hiệp định tự do thương mại song phương và đa phương với các nước đã được ký kết sẽ mở ra cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang các thị trường này. Theo đó, nhu cầu tôm của thế giới năm 2020 là 5.200.000 tấn, đến năm 2025 sẽ là 6.525.000 tấn; trong đó, nhu cầu tôm của các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam là Mỹ, Nhật Bản cũng liên tục tăng và sản lượng tôm Việt Nam xuất khẩu vào hai thị trường này còn rất khiêm tốn.

- Tại thị trường EU sẽ là thị trường chính của Việt Nam bởi hiện tại nguồn cung của Thái Lan không đủ cho xuất khẩu và Ấn Độ đang gặp khó khăn.
- Tại thị trường Mỹ, kết quả chống bán phá giá tôm Việt Nam trong giai đoạn xem xét hành chính lần thứ 13 – POR13 (từ ngày 1/2/2017 đến ngày 31/1/2018) khả quan hơn so với những lần trước, nên sẽ là yếu tố hỗ trợ xuất khẩu tôm tại thị trường này.
- Các thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc, ...: nhờ vào các hiệp định thương mại tự do sẽ tạo lợi thế cạnh tranh nhất định đối với tôm Việt Nam.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Định hướng hoạt động Fimex là cung ứng những sản phẩm tốt và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tới tay người tiêu dùng với giá phù hợp nhất với tình hình thực tế tại từng thời điểm. Ban lãnh đạo Công ty cũng xác định phân khúc thị phần của Fimex là nhóm khách hàng trung lưu nhằm phát huy thế mạnh và tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trong ngành. Đây cũng là xu thế tất yếu khi nhu cầu của người tiêu dùng hiện nay là thực phẩm phải đảm bảo các tiêu chuẩn: sạch, ngon và giá cả phù hợp. Đây cũng là chính sách của Chính phủ Việt Nam với rất nhiều quy định để người nuôi tôm ý thức và chấp hành kỹ thuật nuôi tôm tạo ra sản phẩm sạch và an toàn. Công ty đã xây dựng cho mình kênh đối chứng khi mở rộng ngành nghề nuôi tôm trên diện rộng. Việc nuôi tôm của Fimex không chỉ có ý nghĩa thương mại, còn là nơi thử nghiệm các mô hình nuôi thiết thực, hiệu quả và an toàn để phối hợp, hợp tác với các trang trại nuôi tôm cung ứng sản phẩm tôm nguyên liệu cho FMC.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong công ty

Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2018 là 3.188 người với cơ cấu trình độ lao động như sau:

TT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo giới tính	3.188	100,00%
1	Nam	1.109	34,79%
2	Nữ	2.079	65,21%
II	Theo trình độ	3.188	100,00%



TT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Trên Đại học	6	0,19%
2	Đại học và Cao đẳng	315	9,88%
3	Trung cấp	181	5,68%
4	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	2.686	84,25%

Nguồn: Công ty

10.2. Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng

Công ty tuyển dụng nhân sự dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật phù hợp cho từng vị trí nhằm mang lại hiệu quả trong quá trình vận hành, quản lý tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của Công ty. Theo đó, Công ty đã xây dựng những tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng vị trí, bộ phận, chú trọng vào tuyển dụng nhân sự trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các nhân sự ở cấp bậc quản lý.

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do Công ty quy định.

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày. Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của Công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

Chính sách đào tạo

Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Trong dài hạn, Công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn, thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm.

Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của Công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP,



OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004, ... Ngoài ra, Công ty còn thuê các chuyên gia đến Công ty trực tiếp đào tạo, hay gửi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành, ...

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, Công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ Công ty sau khi học tập.

Chính sách lương thưởng phúc lợi

Để tạo sự công bằng, hiện nay Công ty trả lương theo sản phẩm, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo “đòn bẩy” về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty qua các năm được cải thiện đáng kể.

Hàng năm, Công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Chính sách khen thưởng của Công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C.

Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được Công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen, ...

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận.

Nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và phòng chống độc hại cho người lao động phù hợp với các quy định về an toàn lao động của Nhà nước. Xây dựng môi trường làm việc thoải mái, an toàn cho người lao động thông qua các hoạt động như lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống quạt hút, quạt mát. Ngoài các chính sách giúp ổn định thu nhập, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Bộ luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, Công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể:

- Xây dựng được 40 phòng ở trong khuôn viên của Công ty, trang bị đầy đủ vật dụng cần thiết phục vụ cho việc ăn, ở nhằm thu hút lực lượng lao động có tay nghề từ các nơi đến làm việc, đồng thời cũng là tạo tư tưởng an tâm trong công tác cho cán bộ công nhân viên từ xa đến Công ty làm việc.



- Công ty đã xây dựng được 06 căn tin phục vụ cho cán bộ công nhân viên xuyên suốt từ 5 giờ sáng đến 12 giờ khuya (ca 3) và khu chợ phục vụ cho nhu cầu ăn uống, mua sắm đa dạng của cán bộ công nhân viên (do Công ty nằm ở khu vực xa chợ).
- Công ty đã xây dựng phòng đọc sách, phòng karaoke, lắp đặt trò chơi điện tử, xây dựng 02 sân cầu lông, 01 sân bóng đá mini, 03 bàn bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi, giải trí lành mạnh sau giờ làm việc, sản xuất.

10.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động được Công ty thông qua tại Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03B/NQ.HĐQT.2019 ngày 28/05/2019, theo đó Công ty dự kiến phát hành 804.000 cổ phiếu sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng Quản trị đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

Bảng 9: Tỷ lệ cổ tức qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%/Vốn điều lệ)	18%	45%	20%(*)

Nguồn: Công ty

(*) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 ngày 05/04/2019, Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 20%, theo đó Công ty sẽ thực hiện trong năm 2019.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản



Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 số 16/NQ_ĐHĐCĐ ngày 23/03/2018 đã thông qua việc điều chỉnh kỳ niên độ kế toán mới từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018 thay cho kỳ niên độ cũ (từ 01/10/2017 đến 30/09/2017).

Do vậy, năm 2018 Công ty sẽ chính thức thay đổi niên độ mới cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Năm 2017, Công ty vẫn sử dụng kỳ niên độ cũ cho kỳ toán từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/09/2017. Và Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và được Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán.

12.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Báo cáo vốn điều lệ và tình hình sử dụng vốn điều lệ

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	30/09/2016	31/012/2017	31/12/2018
Vốn điều lệ	300.000.000.000	390.000.000.000	402.000.000.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 1/2019

Báo cáo về vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng vốn kinh doanh của Công ty là **1.495.244.008.492** đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
I. Vốn chủ sở hữu	572.862	688.939	746.144
▪ Vốn điều lệ	390.000	402.000	402.000
▪ Thặng dư vốn cổ phần	70.558	70.527	70.507
▪ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	112.304	216.412	273.636
II. Nợ phải trả	1.083.046	806.305	765.116
▪ Nợ ngắn hạn	1.076.096	798.649	755.471
▪ Nợ dài hạn	6.950	7.656	9.645
III. Tổng vốn kinh doanh	1.655.908	1.495.244	1.511.259

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Vốn kinh doanh được sử dụng như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	165.795	26.594	108.647



▪ Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	5.100	5.100
▪ Các khoản phải thu ngắn hạn	409.639	288.856	353.177
▪ Hàng tồn kho	744.133	837.299	699.084
▪ Tài sản lưu động khác	28.357	29.238	19.856
▪ Phải thu dài hạn	-	-	-
▪ Tài sản cố định	276.985	276.025	272.150
▪ Xây dựng cơ bản dở dang	3.097	12.640	3.814
▪ Tài sản dài hạn khác	27.901	19.492	49.431
Tổng cộng	1.655.908	1.495.244	1.511.259

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

12.1.2 Trích khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Khi tài sản bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:
 - Nhà cửa và vật kiến trúc: 05 – 25 năm
 - Máy móc và Thiết bị: 04 – 10 năm
 - Thiết bị văn phòng: 03 – 07 năm
 - Phương tiện vận tải: 06 – 10 năm
 - Quyền sử dụng đất: 39 - 50 năm
 - Phần mềm vi tính: 03 - 06 năm
 - Tài sản khác 05 - 06 năm

12.1.3 Mức thu nhập bình quân của Cán bộ công nhân viên:

Bảng 10: Mức thu nhập bình quân qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Thu nhập bình quân (Đồng/tháng)	6.900.000	7.500.000	8.500.000



Nguồn: Công ty

Đây là mức thu nhập khá so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trên cùng địa bàn.

12.1.4 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay của Công ty. Đến thời điểm hiện tại Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

12.1.5 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Bảng 11: Thuế và các khoản phải thu / phải trả Nhà nước

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
I	Các khoản phải thu	24.571	24.974	12.232
-	Thuế giá trị gia tăng	24.561	24.974	13.232
	Thuế nhập khẩu	10	-	-
II	Các khoản phải trả	4.184	20.103	4.063
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.249	15.516	3.902
-	Thuế thu nhập cá nhân	2.935	4.587	161

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015, Công ty được hưởng ưu đãi thuế như sau:

- Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn: Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động.
- Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn: Công ty được hưởng lãi suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

12.1.6 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 12: Giá trị các quỹ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	803	682	13.337
	Tổng cộng	803	682	13.337

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

12.1.7 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2018, tổng dư nợ vay của Công ty là **593.284.459.500 đồng**.

Bảng 13: Tổng dư nợ vay của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
1	Vay ngắn hạn	976.491	593.284	610.611
2	Vay dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng nợ vay	976.491	593.284	610.611

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Bảng 14: Chi tiết các khoản vay ngân hàng tại thời điểm 31/12/2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đơn vị cho vay	Lãi suất vay USD (%/năm)	Hình thức đảm bảo	Số cuối kỳ 31/12/2018
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	3,0%-3,4%	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải;	302.905
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	3,8%	Nhà cửa, máy móc thiết bị tại nhà máy Tin An; Hàng tồn kho; Ao nuôi tôm Tân Nam; Kho lạnh 4.000 tấn tại nhà máy An San.	172.478
Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Cần Thơ	3,1%-3,2%	Tín chấp	117.901
Tổng cộng			593.284

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018)



Việc vay nợ từ các ngân hàng chủ yếu tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ xuyên suốt cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Với tình hình diễn biến cặp tỷ giá USD/VND hàng ngày, công ty lựa chọn phương án vay USD hay vay VND sao cho chi phí đi vay thấp nhất.

Công ty chỉ sử dụng nguồn vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động ngắn hạn, đặc biệt trong năm 2018 lãi suất vay USD khá thấp so với VND nên Công ty đã ưu tiên vay USD để tối thiểu hóa chi phí vay.

12.1.8 Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Bảng 15: Các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	409.639	288.856	353.177
1.	Phải thu ngắn hạn khách hàng	396.045	300.517	342.784
2.	Trả trước người bán ngắn hạn	14.640	7.503	26.166
3.	Phải thu ngắn hạn khác	14.322	13.590	16.982
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(15.368)	(32.755)	(32.755)
II.	Khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1.	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	Tổng cộng	409.639	288.856	353.177

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng

Bảng 16: Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
1	Amanda Seafood Private Limited	147.531	213.967	170.683
2	Mazzetta Company, LLC.	104.083	10.014	9.829
3	K&H Food Impex GmbH	16.360	17.936	72.415
4	International Marketing Specialists, Inc.	6.002	-	-
5	Khác	122.069	58.600	89.855
	Tổng cộng	396.045	300.517	342.782

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019



- Các khoản phải trả:

Bảng 17: Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
I.	Nợ ngắn hạn	1.076.096	798.649	755.471
1	Phải trả người bán ngắn hạn	53.748	83.191	62.448
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	894	1.042	344
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	4.184	20.103	4.063
4	Phải trả người lao động	27.972	83.174	47.465
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	6.916	12.084	11.310
6	Phải trả ngắn hạn khác	5.088	5.090	5.893
7	Vay ngắn hạn	976.491	593.284	610.611
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	803	682	13.337
II.	Nợ dài hạn	6.950	7.656	9.645
1	Phải trả dài hạn khác	630	635	635
2	Dự phòng phải trả dài hạn	6.320	7.021	9.010
Tổng cộng		1.083.046	806.305	765.116

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,25	1,49
	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,56	0,44
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,65	0,54
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,89	1,17
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho)	Vòng	4,33	4,07



	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2,11	2,55
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,17	4,74
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	19,38	26,20
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,70	12,07
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	3,25	5,09
	Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ cổ phiếu	2,832	3.888

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Với đặc thù của ngành xuất khẩu thủy sản, tài sản lưu động của Công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản, bình quân trên 80,4% trong 03 năm từ 2016 – 2018. Trong năm 2018, tài sản lưu động của Công ty chỉ chiếm 79,4% trên tổng tài sản, đạt giá trị 1.187 tỷ đồng, giảm 11,9% so với năm 2017, đồng thời cả hàng tồn kho lẫn nợ ngắn hạn cũng điều chỉnh, lần lượt tăng 12,5% và giảm 39,2% cho thấy rằng Công ty đang quản lý hiệu quả hàng tồn kho và giảm thiểu nợ ngắn hạn tài trợ để gia tăng hiệu quả doanh thu trên từng sản phẩm.

Khả năng thanh toán nhanh lẫn khả năng thanh toán hiện hành luôn được duy trì mức an toàn, lần lượt đạt 0,44 và 1,49 trong năm 2018.

Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu lần lượt đạt 0,54 lần và 1,17 lần. Trong năm 2018, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu cho người lao động để tăng vốn điều lệ từ 390 tỷ đồng lên 402 tỷ đồng với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu để bổ sung vốn lưu động cho Công ty và giảm bớt khoản vay ngắn hạn ngân hàng, do đó hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu được cải thiện đáng kể.

Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năng lực hoạt động của Công ty được đánh giá khả quan nhờ vào chính sách chiết khấu cao, chính sách bán hàng linh động, kiểm soát tốt giá vốn hàng bán, điển hình trong năm 2018, giá vốn hàng bán tăng nhẹ 5,8% so với năm 2017 và hàng tồn kho tăng từ 744 tỷ đồng (năm 2017) lên 837 tỷ đồng (năm 2018), cho thấy hàng tồn kho được duy trì ở mức ổn định. Tương tự, vòng quay tổng tài sản của FMC cũng tăng từ 2,11 lần (năm 2017) lên 2,55 lần (năm 2018).

Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2018 cải thiện hơn so với năm 2017. Công ty tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua việc mở rộng thị trường xuất khẩu sang Úc và gia tăng sản lượng tôm và nông sản xuất khẩu, nâng cao hiệu quả quản lý hàng tồn kho, mở rộng thêm vùng nuôi và đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn để duy trì khách hàng hiện hữu và phát triển nhóm khách hàng mới, nhờ vậy tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2018 đạt



4,74%, tăng 49,38% so với năm 2017. Tương tự, ROA đạt 12,07%, tăng 80,04% so với năm 2017 và ROE đạt 26,20% tăng 35,18% so với năm 2017.

13. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

TT	Tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Hội đồng Quản trị				
1.	Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	1956	365260213
2.	Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	1970	011816418
3.	Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	1964	361270603
4.	Ông Tô Minh Chăng	Thành viên HĐQT	1970	365809714
5.	Ông Đặng Kiệt Tường	Thành viên HĐQT	1959	311619608
Ban Tổng Giám đốc				
1.	Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	nt	nt
2.	Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	1958	365621897
3.	Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	1970	365642617
4.	Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	1962	365587313
5.	Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	1978	365091252
Ban Kiểm soát				
1.	Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng BKS	1978	301448035
2.	Ông Chung Thanh Tâm	Thành viên BKS	1963	365746825
3.	Ông Triệu Tương Long	Thành viên BKS	1980	365168913
Kế toán trưởng				
1.	Ông Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng	nt	nt

13.1. Hội đồng Quản trị

a. Ông HỒ QUỐC LỰC – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: HỒ QUỐC LỰC
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/05/1956
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Địa chỉ thường trú: 29 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365260213 cấp ngày 18/10/2012 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1983 đến 1986: Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản XNK Hậu Giang
 - Từ 1986 đến 1991: Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
 - Từ 1991 đến 1992: Trưởng phòng Nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh II
 - Từ 1992 đến 1994: Phó Giám đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1994 đến 1996: Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
 - Từ 1996 đến 2003: Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 2003 đến 2006: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
 - Từ 2007 đến 10/2009: Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 10/2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 605.000 cổ phần, chiếm 1,50% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện cho Văn phòng tỉnh ủy Sóc Trăng: 1.380.000 cổ phần, chiếm 3,43% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Văn phòng tỉnh ủy Sóc Trăng	Đại diện phần vốn góp	1.380.000	3,43%
2	Dương Ngọc Kim	Vợ	178.362	0,44%
3	Hồ Quang Văn	Anh ruột	0	0%
4	Hồ Quang Cua	Anh ruột	0	0%
5	Hồ Hoa Đông	Con ruột	30.000	0,07%
6	Hồ Hoa Đăng	Con ruột	0	0%



- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

b. Bà NGUYỄN THỊ TRÀ MY – Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ TRÀ MY
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 10/05/1970
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Tầng 16 - Tòa ICON4 - 243A Đê La Thành - Hà Nội
- Số chứng minh nhân dân: 011816418, ngày cấp 20/09/2005, nơi cấp Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 3760 6190
- Trình độ chuyên môn: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam
 - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT Công ty CP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN-HULIC / Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - Từ 1993 đến 1995: Trợ lý TGD Công ty International Business Advisor
 - Từ 1995 đến 2012: Giám đốc Tài chính kiêm Phó TGD Công ty Biomin Việt Nam
 - Từ 2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam
 - Từ 2013 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
 - Từ 2016 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN-HULIC
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 40.000 cổ phần, chiếm 0,10% vốn điều lệ



- Sở hữu đại diện CTCP Tập 17.556.730 cổ phần, chiếm 43,67% vốn điều lệ đoàn PAN:
- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	CTCP Tập đoàn PAN	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	17.556.730	43,67%
2	Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	0	0%
3	CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Công ty CP PAN FARM	Chủ tịch HĐQT	0	0%
5	Công ty CP PAN-HULIC	Chủ tịch HĐQT	0	0%
6	Đông Minh Tuấn	Chồng	0	0%
7	Nguyễn Tùng Phong	Anh ruột	0	0%
8	Đông Nhật Minh	Con ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

c. Ông PHẠM HOÀNG VIỆT – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: PHẠM HOÀNG VIỆT
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/11/1964
- Nơi sinh: Hậu Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: D9 Mậu Thân, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
- Số chứng minh nhân dân: 361270603 cấp ngày 17/03/2004 tại Cần Thơ
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:



- Từ 1986 đến 1992: Nhân viên phòng Kinh doanh – Đại lý Yamaha
- Từ 1992 đến 1996: Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
- Từ 1996 đến 04/1997: Nhân viên Phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (Fimex VN)
- Từ 04/1997 đến 2002: Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 2003 đến 2004: Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng BKS CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005 đến 08/2005: Thành viên HĐQT kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ 09/2005 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 188.937 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lê Trọng Thủy	Mẹ	0	0%
2	Triệu Mai Lan	Vợ	123.744	0,31%
3	Phạm Hoàng Tùng	Con	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

d. Ông ĐẶNG KIẾT TƯỜNG – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: ĐẶNG KIẾT TƯỜNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/08/1959
- Nơi sinh: Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 241A Lý Thường Kiệt, phường 5, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang
- Số chứng minh nhân dân: 311619608
- Điện thoại liên hệ: 0913965357



- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP XNK Thủy sản Bến Tre
- Quá trình công tác:
 - Từ 1986 đến 1990: Nhân viên và Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre
 - Từ 1990 đến 1995: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre
 - Từ 1995 đến 1999: Phó Giám đốc Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre
 - Từ 1999 đến 2004: Giám đốc Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre
 - Từ 2004 đến nay: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc CTCP XNK Thủy sản Bến Tre
 - Từ 03/2018 đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 35.290 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện CTCP XNK Thủy sản Bến Tre: 8.089.000 cổ phần, chiếm 20,12% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trần Xuân Quyên	Vợ	0	0%
2	Đặng Thị Liêu	Chị	0	0%
3	Đặng Đức Thịnh	Con	0	0%
4	Đặng Thị Ngọc Anh	Con	0	0%
5	CTCP XNK Thủy sản Bến Tre	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	8.089.000	20,12%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

e. Ông TÔ MINH CHĂNG – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: TÔ MINH CHĂNG
- Giới tính: Nam



- Ngày sinh: 12/06/1970
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 334 Tôn Đức Thắng, Khóm 1, Phường 5, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365809714 cấp ngày 16/11/2006 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 02/1994 đến 09/1997: Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 10/1997 đến 12/2002: Kế toán viên Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 01/2003 đến 05/2003: Kế toán viên, thành viên BKS CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 06/2003 đến 12/2004: Kế toán tổng hợp, thành viên BKS CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 01/2005 đến 07/2006: Kế toán tổng hợp, Trưởng BKS CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 08/2006 đến 08/2006: Kế toán trưởng CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 08/2006 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 109.420 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Tô Văn Dũng	Cha ruột	0	0%
2	Trần Thị Kháng	Mẹ ruột	0	0%
3	Lâm Mỹ Duyên	Vợ	0	0%
4	Tô Minh Trọng	Con ruột	0	0%
5	Tô Thị Mỹ Nhiên	Em ruột	0	0%
6	Tô Văn Nhẫn	Em ruột	0	0%
7	Tô Văn Nhường	Em ruột	0	0%
8	Tô Văn Đễ	Em ruột	0	0%



9	Tô Văn Dành	Em ruột	0	0%
	- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:		Không có	
	- Các khoản nợ đối với Công ty:		Không có	
	- Lợi ích liên quan đối với Công ty		Không có	

13.2. Ban Tổng Giám Đốc

a. Ông PHẠM HOÀNG VIỆT – Tổng Giám đốc

Xem ở mục IV.13.1.c

b. Bà DƯƠNG NGỌC KIM – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: DƯƠNG NGỌC KIM
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 18/08/1958
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 29 Trần Hưng Đạo, phường 3, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365621897 cấp ngày 18/02/2003 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1978 đến 1986: Trưởng ca SX tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1987 đến 1992: Trưởng ca sản xuất tại Xí nghiệp đông lạnh Cần Thơ (Cafatex)
 - Từ 1992 đến 1995: Phó Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1996 đến 1997: Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 1997 đến 2003: Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 2003 đến 03/2007: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta



- Từ 04/2007 đến 10/2009: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ 10/2009 đến 04/2010: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Từ 2010 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 178.362 cổ phần, chiếm 0,44% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Hồ Quốc Lực	Chồng	605.000	1,50%
2	Hồ Hoa Đông	Con ruột	30.000	0,07%
3	Hồ Hoa Đăng	Con ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

c. Ông MÃ ÍCH HƯNG – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: MÃ ÍCH HƯNG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/02/1970
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 186 Kênh Xáng, Khóm 4, Phường 8, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365642617 cấp ngày 11/06/2003 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 02/1992 đến 07/1997: Công nhân Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 08/1998 đến 12/2002: Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng



- Từ 01/2003 đến 12/2004: Quản đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 01/2005 đến 05/2006: Thành viên BKS, Quản đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 06/2006 đến 11/2008: Thành viên BKS, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 12/2008 đến 06/2009: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 07/2009 đến 04/2010: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2010 đến 7/2010: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 07/2010 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 112.372 cổ phần, chiếm 0,28% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Ngô Kiều Phương	Vợ	33.637	0,08%
2	Mã Gia Hân	Con ruột	0	0%
3	Mã Gia Nhi	Con ruột	0	0%
4	Trương Nguyệt Chư	Mẹ ruột	0	0%
5	Mã Ích Quốc	Anh ruột	0	0%
6	Mã Ích Cường	Anh ruột	0	0%
7	Mã Ích Dân	Anh ruột	0	0%
8	Mã Kim Mai	Anh ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

d. Ông ĐINH VĂN THỜI – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: ĐINH VĂN THỜI
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/10/1962
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



- Địa chỉ thường trú: 171A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 3, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365587313 cấp ngày 22/05/2002 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Cơ khí Chế tạo Máy
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Quá trình công tác:
 - Từ 1987 đến 1990: Cán bộ kỹ thuật Xưởng cơ khí Nông nghiệp I Hậu Giang, Phó quản đốc phân xưởng cơ khí Xí nghiệp cơ khí Sóc Trăng
 - Từ 1990 đến 1992: Học ngành máy lạnh tại TT nghiên cứu thiết bị nhiệt và năng lượng mới – Đại học Bách khoa TP.HCM
 - Từ 1996 đến 12/2002: Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
 - Từ 01/2003 đến 12/2004: Thành viên BKS, Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 2005 đến 30/11/2008: Thành viên BKS, Quản đốc Xưởng Cơ điện CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 12/2008 đến 03/2010: Phó Giám đốc Nhà máy nông sản An San
 - Từ 04/2010 đến 04/2013: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 111.787 cổ phần, chiếm 0,28% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Như Diễm Huỳnh	Vợ	0	0%
2	Đình Văn Thạnh	Cha ruột	0	0%
3	Huỳnh Kim Hương	Mẹ ruột	0	0%
4	Đình Thị Diễm Trang	Em ruột	0	0%
5	Đình Nguyễn Uyên Vi	Con ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có



e. Ông HOÀNG THANH VŨ – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: HOÀNG THANH VŨ
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 26/02/1978
- Nơi sinh: Mỏ Cày, Tỉnh Bến Tre
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 363/7 Trần Hưng Đạo, Phường 3, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365091252 cấp ngày 27/04/2010 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kỹ sư Chế biến Thủy sản
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 05/2000 đến 04/2001: Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
 - Từ 05/2001 đến 06/2002: Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 06/2002 đến 12/2002: Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
 - Từ 01/2003 đến 02/2005: Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 03/2005 đến 04/2010: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2010 đến 04/2013: Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2013 đến 04/2015: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ CTCP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2015 đến nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Thực phẩm Sao Ta
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 45.005 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Hoàng Văn Hùng	Cha ruột	0	0%



2	Huỳnh Thị Vân	Mẹ ruột	0	0%
3	Hoàng Vi Tâm	Em ruột	0	0%
4	Nguyễn Thị Hương Giang	Vợ	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.3. Ban Kiểm soát

a. Ông NGUYỄN VĂN NGUYỄN – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN NGUYỄN
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/10/1978
- Nơi sinh: Xã Hòa Định Đông, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Ấp Phú Thành, xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
- Số chứng minh nhân dân: 301448035 ngày cấp 11/01/2008 nơi cấp CA Long An
- Điện thoại liên hệ: 0908441178
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Trưởng Ban Kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Thực Phẩm PAN và CTCP Chế Biến Thực Phẩm PAN
- Quá trình công tác:
 - Từ 2001 đến 2004: Kế toán thanh toán, Kế toán thuế - Công ty TNHH Nagarjuna Việt Nam
 - Từ 2005 đến 2010: Kế toán tổng hợp, Phó phòng kế toán - Công ty TNHH CJ Vina Agri
 - Từ 2011 đến 06/2014: Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tâm
 - Từ 07/2014 đến 2017: Kế toán trưởng - CTCP Sợi Đông Quang
 - Từ 2018 đến nay: Kế toán trưởng - CTCP Thực Phẩm PAN & CTCP Chế Biến Thực Phẩm PAN
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



- Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Lê	Cha	0	0%
2	Lê Thị Cẩn	Mẹ	0	0%
3	Đặng Thị Phương Lam	Vợ	0	0%
4	Nguyễn Đặng Tâm Thanh	Con	0	0%
5	Nguyễn Ngọc Liêm	Em	0	0%
6	Nguyễn Ngọc Luân	Em	0	0%
7	Nguyễn Tường Lam	Em	0	0%
8	Nguyễn Thị Thu Thúy	Em	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

b. Ông CHUNG THANH TÂM – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: CHUNG THANH TÂM
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/02/1963
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 216 Trần Bình Trọng, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365746825 cấp ngày 30/06/2008 tại Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Trưởng Ban Kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 1980 đến 1983: Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Tân Hương thuộc Sở Thủy sản Hậu Giang
 - Từ 1983 đến 1988: Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Tân Hương thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Hậu Giang
 - Từ 1988 đến 1992: Nhân viên kế toán phòng Tài chính thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Hậu Giang



- Từ 1992 đến 1996: Phó phòng Tài chính thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng
- Từ 1996 đến 08/2006: Trưởng phòng Tài chính thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Sóc Trăng
- Từ 08/2006 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Trưởng phòng Tài chính thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Sóc Trăng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 44.250 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Chung Văn Thôn	Cha ruột	0	0%
2	Dương Thị Đương	Mẹ ruột	0	0%
3	Lê Thu Hiền	Vợ	0	0%
4	Chung Bội Ngọc	Con ruột	0	0%
5	Chung Thanh Hùng	Em ruột	0	0%
6	Chung Thanh Dũng	Em ruột	0	0%
7	Chung Thanh Tùng	Em ruột	0	0%
8	Chung Thanh Trang	Em ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

c. Ông TRIỆU TƯƠNG LONG – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: TRIỆU TƯƠNG LONG
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 14/12/1980
- Nơi sinh: Sóc Trăng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 267/12 Trương Công Định, khóm 4, Phường 2, TP. Sóc Trăng
- Số chứng minh nhân dân: 365168913 cấp ngày 19/02/2011 tại Hà Đông



- Điện thoại liên hệ: (079) 3822 223
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kỹ sư chế biến thủy sản
- Chức vụ hiện nay tại FMC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - Từ 03/2003 đến 12/2008: Nhân viên phòng Quản lý Chất Lượng- Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 12/2008 đến 04/2015: Phó phòng Quản lý Chất lượng Công ty CP Thực phẩm Sao Ta
 - Từ 04/2015 đến nay: Thành viên BKS kiêm Phó phòng Quản lý Chất lượng
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ
 - Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

STT	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Triệu Ngọc Đăng	Cha ruột	0	0%
2	Triệu Thu Hằng	Chị ruột	0	0%
3	Trần Thị Loan Thảo	Vợ	0	0%
4	Triệu Thảo Quân	Con ruột	0	0%
5	Triệu Long Quân	Con ruột	0	0%

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

13.4. **Kế toán trưởng**

Ông TÔ MINH CHĂNG – Kế toán trưởng

Xem ở mục IV.13.1.e

14. **Tài sản**

Bảng 19: Tình hình tài sản của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/06/2019
1	Tài sản ngắn hạn	1.347.924	1.187.087	1.185.864
2	Tài sản dài hạn	307.984	308.157	325.395
	Tổng cộng	1.655.908	1.495.244	1.511.259

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

Chi tiết Tài sản cố định của Công ty bao gồm:

Bảng 20: Tình hình tài sản cố định của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN TÀI SẢN	Năm 2017			Năm 2018			Quý II/2019		
		Nguyên giá	GTCL	GTCL / Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL / Nguyên giá (%)	Nguyên giá	GTCL	GTCL / Nguyên giá (%)
I	TSCĐ hữu hình	626.093	274.612	43,9%	685.677	273.801	39,9%	702.535	262.843	37,4%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	185.200	90.808	49,0%	187.436	78.111	41,7%	196.695	79.879	40,6%
2	Máy móc, thiết bị	397.276	165.784	41,7%	436.176	163.527	37,5%	439.777	149.669	34,0%
3	Thiết bị văn phòng	28.274	13.871	49,1%	11.014	4.803	43,6%	11.296	4.387	38,8%
4	Phương tiện vận tải	7.812	2.588	33,1%	43.521	26.487	60,9%	47.236	28.355	60,0%
5	Tài sản khác	7.531	1.561	20,7%	7.531	873	11,6%	7.531	553	7,3%
II	TSCĐ vô hình	3.237	2.373	73,3%	3.237	2.225	68,7%	10.477	9.307	88,8%
1	Quyền sử dụng đất	2.552	2.149	84,2%	2.552	2.090	81,9%	9.792	9.214	94,1%
2	Phần mềm máy tính	486	224	46,1%	486	134	27,7%	486	93	19,1%
3	Tài sản khác	200	-	-	200	-	-	200	-	-
	Tổng	629.330	276.985	44,0%	688.914	276.025	40,1%	713.012	272.150	38,2%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 (kỳ kế toán 01/01/2018 đến 31/12/2018) và BCTC Quý 2/2019

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo

Bảng 21: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 và 2019

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Dự kiến năm 2019 (*)	Dự kiến năm 2020
----------	----------	----------------------	------------------



		Giá trị	(+/-)% so với năm 2018	Giá trị	(+/-) % so với năm 2019
Doanh thu thuần	3.806.660	4.350.000	14,3%	4.742.000	9,0%
Lợi nhuận sau thuế	180.496	171.000	-5,3%	190.000	11,1%
Vốn chủ sở hữu	688.939	929.843	35,0%	998.955	7,4%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,7%	3,9%	-17,1%	4,0%	1,9%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	26,2%	18,4%	-29,8%	19,0%	3,4%
Cổ tức	20,0%	20,0%	-	20,0%	-

Nguồn: Công ty

(*) Kế hoạch đã được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2019 ngày 05/03/2019 của Công ty.

Căn cứ để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

Thị trường

Dự kiến trong năm 2019, Hiệp định EVFTA sẽ được ký kết, điều này sẽ hỗ trợ rất lớn cho ngành tôm Việt Nam nói chung, đặc biệt thị trường EU là thị trường xuất khẩu chủ đạo của Công ty nói riêng. Mặt khác, chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ làm tăng mức thuế tôm bột từ Trung Quốc bán vào Mỹ, và đây là cơ hội cho tôm bột Việt Nam thâm nhập vào thị trường Mỹ. Nhật Bản là thị trường thứ ba thế giới và của tôm Việt. Đặc điểm của thị trường này là sản phẩm đòi hỏi tính tỉ mỉ và kiểu dáng bên ngoài và đây là thế mạnh của Sao Ta. Ngoài ra những thị trường có sức thu hút không nhỏ như Canada, Hàn Quốc, Úc cũng sẽ chiếm thị phần 5 -10% của FMC cho mỗi nước. Trung Quốc cũng là một thị trường đầy tiềm năng nhưng phải chờ đợi có sự cải thiện về phương thức thanh toán.

Sản phẩm

Xác định hàng giá trị gia tăng là xu thế tất yếu, cho nên sản phẩm chính của Fimex trong thời gian sắp tới sẽ có sự thay đổi về cơ cấu. Tôm bao bột sẽ có tốc độ tăng nhanh nhất (bán vào Nhật Bản và Hoa Kỳ), tôm luộc sẽ tăng (bán vào các hệ thống phân phối cao cấp). Các sản phẩm khác là tôm chiên, tôm tươi IQF. Về nông sản chủ yếu là các dạng vegetable mix, kakiage bên cạnh cà tím, khoai lang, đậu bắp ở nhiều dạng chế biến như hấp, chiên, nướng...

Khách hàng

Tới thời điểm này hệ thống khách hàng của Fimex đã có sự chọn lọc tốt, chủ yếu là các hệ thống phân phối lớn, đẳng cấp từ khá tới cao cấp. Hướng sắp tới chỉ chủ yếu tập trung mảng phân phối cao cấp.

Củng cố, phát triển uy tín thương hiệu

Thương hiệu được xem là sự sống còn của doanh nghiệp, nên Công ty tập trung hoàn thiện các chuẩn quản lý chất lượng theo quy định của từng thị trường về nguyên liệu lẫn chế biến. Tiếp cận sớm giải



pháp truy xuất nguồn gốc thuận tiện cho khách hàng thông qua việc từng bước học hỏi, xây dựng mã vạch (bar code) theo chuẩn quốc tế đối với hàng xuất khẩu.

Chủ động nguyên liệu sạch

Sẽ tăng quỹ đất tự nuôi tôm lên khoảng 400 hecta (2020) và gấp đôi năm 2025. Tỷ lệ tự cung ứng nguyên liệu từ 10 lên 30% (2025).

Cơ sở vật chất

- Trong năm 2019 hoàn thiện kho lạnh 5.000 tấn.
- Chuyển Nhà máy Tin An chế biến tôm bột, công suất 4.000 - 5.000 tấn/năm. Tin An còn khoảng 1 hecta trống dự phòng cho mở rộng quy mô những năm về sau.
- Khuôn viên Nhà máy An San còn 1 hecta đất trống (sau khi hoàn thiện kho 5.000 tấn) sẽ dự phòng xây dựng xưởng chiên để chế biến tempura, fritter, kakiage vì xưởng chiên hiện tại đã hết công suất và không còn quỹ đất mở rộng. Mặt khác khu chiên kakiage đang có của Nhà máy An San cũng quá nhỏ, muốn tăng sản lượng cần xưởng lớn hơn.

Giải pháp tăng năng suất chế biến trên nền tảng cơ khí và tự động hóa

- Luôn cải tiến dây chuyền chế biến nhằm tăng năng suất tăng thu nhập, đồng thời giúp cải thiện dần thời gian làm việc không còn kéo dài. Đây là yếu tố quan trọng để thu hút thêm lao động mới.
- Sắp xếp lao động hợp lý giữa các khâu; tổ chức huấn luyện lao động mới và luôn tìm mọi cách tránh lãng phí lao động.
- Xây dựng mức thù lao dựa trên công việc, hiệu quả của từng người, không quá nặng coi trọng thâm niên nhằm khuyến khích lực lượng trẻ tích cực đóng góp và gắn bó với công việc.

Phối hợp tốt và nâng cao tinh thần tiết kiệm mọi mặt

Tinh thần là mọi bộ phận tập trung phục vụ chế biến; nhất là cơ điện luôn chuẩn bị đủ nguồn lực để kịp thời xử lý các tình huống theo yêu cầu của các xưởng chế biến nhằm giảm thiểu lãng phí, ngừng sản xuất... Song song nêu cao tinh thần tiết kiệm mọi mặt nhất là nguyên liệu, năng lượng...; sử dụng thiết bị, vật tư kỹ lưỡng tránh hư hỏng và tận dụng các vật tư có sẵn hạn chế lãng phí.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI đã thu thập thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Căn cứ BCTC kiểm toán năm 2018, Công ty đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng với 3.814 tỷ đồng doanh thu và 194 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế đạt kế hoạch cả năm 2018 là 138%. Đồng thời, dự kiến trong năm 2019, Công ty sẽ tiến hành mở rộng vùng nuôi tôm và mua thêm nguyên vật liệu, cùng với



triển vọng thị trường khả quan, SSI nhận thấy rằng kế hoạch kinh doanh năm 2019 và năm 2020 của Công ty có tính khả thi nếu không có những biến động lớn bất khả kháng ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và năm 2020.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

Lưu ý: Những đánh giá và nhận định của tổ chức tư vấn chỉ mang tính chất tham khảo, không đảm bảo chắc chắn cho kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty cũng như bao hàm hay đảm bảo cho giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

17. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Cổ phiếu FMC hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), do vậy, ngay sau khi kết thúc đợt chào bán, Công ty sẽ thực hiện các thủ tục niêm yết bổ sung và lưu ký bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm trên HSX và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.



V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

- Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 8.844.000 cổ phần
- Giá chào bán dự kiến**

Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu: 25.000 đồng/cổ phiếu

5. Phương pháp tính giá

Giá chào bán Cổ phiếu FMC cho Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019 và Nghị quyết HĐQT số 03A/NQ.HĐQT.2019 ngày 28/05/2019 ở mức giá 25.000 đồng/cổ phiếu.

Giá trị sổ sách 01 (một) cổ phiếu FMC tại các thời điểm như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2017	31/12/2018
Tổng tài sản – (Tài sản vô hình + Nợ)	Triệu đồng	570.488	686.714
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	39.000.000	40.200.000
Giá trị sổ sách 01 cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	14.628	17.082

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và năm 2018

Thị giá trung bình cổ phiếu FMC trong 60 phiên kể từ ngày 24/04/2019 trở về trước (trước khi tiến hành đại hội cổ đông thường niên năm 2019 để thông qua phương án phát hành) là 29.356 đồng/cổ phiếu, và đóng cửa ngày 28/05/2019 là 28.500 đồng/cổ phiếu.

Cổ đông hiện hữu của FMC sẽ được hưởng quyền mua Cổ phiếu phát hành thêm ở mức giá 25.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương thức phân phối

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 17/NQ_ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019, ĐHĐCĐ của CTCP Thực phẩm Sao Ta đã thông qua việc phát hành và chào bán cổ phiếu như sau:

6.1. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 8.040.000 cổ phiếu
- Giá chào bán: 25.000 đồng/cổ phiếu



- a. **Tỷ lệ thực hiện: 100:20 (cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu FMC sẽ được hưởng 01 quyền mua, 100 quyền mua sẽ được mua 20 cổ phiếu mới)**

Phân phối và thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“quyền mua”)

Tại ngày chốt danh sách cổ đông của FMC để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 Cổ phiếu FMC sẽ được hưởng 01 quyền mua, 100 quyền mua sẽ được mua 20 Cổ phiếu FMC. Số Cổ phiếu FMC chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng Cổ phiếu FMC phân phối không vượt quá tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông FMC để thực hiện quyền mua, cổ đông A sở hữu 151 Cổ phiếu FMC tương ứng với 151 quyền mua, số Cổ phiếu FMC mà cổ đông A này được quyền mua là $151 \times 20\% = 30,2$ cổ phiếu. Được làm tròn xuống 30 cổ phiếu.

Đối với số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn số và số cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền và số cổ phiếu cổ đông thực hiện quyền không hết (nếu có) sẽ được Hội đồng quản trị phân phối cho những đối tượng khác theo những điều kiện phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện tại.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta phối hợp với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cho các cổ đông FMC thông qua các Công ty Chứng khoán (“CTCK”) – Thành viên Lưu ký của VSD.

Trường hợp cổ đông FMC chưa lưu ký, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông.

- b. **Chuyển nhượng quyền mua**

Trong thời hạn đăng ký mua, cổ đông sở hữu quyền mua được phép chuyển nhượng quyền nếu có nhu cầu, việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 10 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký mua Cổ phiếu FMC.

Đối với cổ đông FMC đã lưu ký

Cổ đông tự tìm đối tác, trực tiếp thỏa thuận việc chuyển nhượng quyền mua và thực hiện tại CTCK nơi cổ đông FMC mở tài khoản giao dịch, với thủ tục cụ thể như sau:

Việc chuyển nhượng quyền mua được thực hiện tại CTCK bên chuyển nhượng mở tài khoản lưu ký. CTCK bên chuyển nhượng chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác về thông tin chuyển nhượng quyền mua của các bên. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng chưa mở tài khoản thì phải mở tài khoản tại một CTCK.

Việc xác nhận chuyển nhượng quyền mua cho các cổ đông FMC do VSD thực hiện.



Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu chuyển nhượng quyền mua, CTCK bên chuyển nhượng phải nhập giao dịch chuyển nhượng quyền mua qua cổng giao tiếp điện tử và gửi đến VSD các chứng từ sau:

- Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua chứng khoán
- Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin tại trang web của các Sở giao dịch chứng khoán (nếu có) về việc chuyển nhượng quyền mua của các đối tượng thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định.
- Tài liệu liên quan khác (nếu có).

Trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng quyền mua đầy đủ và hợp lệ, VSD xác nhận vào Giấy đề nghị chuyển nhượng quyền mua và gửi cho CTCK liên quan.

Đối với cổ đông FMC chưa lưu ký:

Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền mua tại:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Phòng Kế toán
- Địa chỉ: Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.

c. Đăng ký thực hiện quyền mua

Cổ đông FMC sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đăng ký thực hiện quyền mua tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch (đối với cổ đông đã lưu ký) hoặc tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta- Phòng kế toán - Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng (đối với cổ đông chưa lưu ký).

Hết thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện đương nhiên hết hiệu lực.

Số Cổ phiếu FMC ưu tiên chào bán theo tỷ lệ, đối với số Cổ phiếu FMC lẻ còn lại do làm tròn số và số Cổ phiếu FMC không bán hết, ĐHĐCĐ FMC đã ủy quyền cho HĐQT quyết định đối tượng chào bán, với giá chào bán theo nguyên tắc không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu FMC là 25.000 đồng/cổ phiếu.

6.2. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá cổ phiếu	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	40.200.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	40.200.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu



Số lượng cổ phần dự kiến phát hành	: 804.000 cổ phiếu
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	: 8.040.000.000 đồng
Tỷ lệ phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/số lượng cổ phiếu đang lưu hành)	: 2%
Tiêu chí và đối tượng phát hành	: Cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta theo danh sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt (Ủy quyền HĐQT quyết định chính sách, tiêu chí, duyệt danh sách đối tượng được hưởng ESOP, quyết định tổng số cổ phần ESOP trong tổng số cổ phần được duyệt và số lượng cổ phần cụ thể của từng đối tượng được hưởng)
Hạn chế chuyển nhượng	: Cổ phiếu mới phát hành trong đợt Phát Hành ESOP chịu hạn chế chuyển nhượng là một (01) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành
Mục đích phát hành	: Gắn kết lợi ích của nhân viên với Công ty Huy động vốn với mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
Phương thức xử lý số cổ phần không được đăng ký mua	: Trường hợp người được quyền mua không mua hết số cổ phiếu thì số cổ phiếu này được HĐQT phân phối cho đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, và không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện phát hành cho cán bộ công nhân viên được quyền mua với giá chào bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.
Thời gian thực hiện dự kiến	: Sau khi ĐHCĐ phê duyệt Phương án chào bán và sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Ủy quyền Hội đồng Quản trị quyết định thời gian cụ thể cho việc phát hành (Dự kiến trong năm 2019)

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Thời gian phân phối cổ phiếu được thực hiện sau khi UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng (“Giấy chứng nhận”), nhưng không được vượt quá 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận có hiệu lực.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

Bảng 22: Lịch trình phân phối cổ phiếu



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



Ngày D là ngày Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng có hiệu lực

Thời gian tính cả ngày làm việc và ngày nghỉ (Thứ 7, Chủ Nhật)

Bước	Công việc	Thời gian thực hiện
1	FMC nhận được Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng Cổ phiếu FMC do UBCK cấp	D
2	Công bố thông tin về đợt chào bán	D+1 - D+12
3	Gửi hồ sơ đến VSD, thông báo về việc thực hiện quyền mua cho cổ đông FMC gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian chuyển nhượng quyền, thời gian đăng ký mua... <i>(Trong trường hợp này, ngày đăng ký cuối cùng dự kiến là: D+17)</i>	D+1 - D+3
4	Nhận danh sách tổng hợp người sở hữu được phân bổ quyền mua	D+20 – D+22
5	Cổ đông FMC nhận được Thông báo về việc sở hữu quyền mua <i>(số lượng Cổ phiếu FMC mà cổ đông được quyền mua tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phiếu FMC tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền)</i> . CBNV Công ty nhận thông báo về việc mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	D+29 – D+31
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành ra công chúng	D+30 – D+42
7	Cổ đông, CBNV đăng ký và nộp tiền mua Cổ phiếu FMC	D+30 – D+52
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký thực hiện quyền mua	D+53 – D+64
9	HĐQT phân phối đối với số cổ phiếu FMC lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu FMC không bán hết	D+64 – D+70
10	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCK	D+70 – D+80

- Bước 1: Ngày D là ngày UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán ra công chúng.
- Bước 2: công bố thông tin trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán có hiệu lực.
- Bước 3: theo quy định, gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ tới VSD chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng (“ngày đăng ký cuối cùng” là ngày làm việc do Công ty ấn định



để xác định Danh sách người sở hữu cổ phiếu FMC được hưởng quyền mua (“danh sách”). Dự kiến, ngày D+17 là ngày đăng ký cuối cùng).

- Bước 4: theo quy định, trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty danh sách.
- Bước 5: theo quy định, trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, CTCK gửi cổ đông FMC thông báo về việc sở hữu quyền mua.
- Bước 6: theo quy định tại mục 6 Chuyển nhượng quyền mua. Việc chuyển nhượng quyền mua kết thúc trước 10 ngày kể từ ngày hết hạn đăng ký mua.
- Bước 7: theo quy định, thời hạn đăng ký mua (kể từ khi cổ đông nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua) tối thiểu là 20 ngày.
- Bước 8: theo quy định, trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua.
- Bước 9: dự kiến thời gian để HĐQT hoàn tất việc phân phối cổ phiếu còn lại khoảng 1 tuần.
- Bước 10: theo quy định, trong vòng 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Trên đây là lịch trình phân phối cổ phiếu FMC dự kiến cho nhà đầu tư, tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối sao cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho Cổ đông FMC; và đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

Lịch trình phân phối cổ phiếu chính thức sẽ được công bố chi tiết khi FMC được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Theo quy định tối thiểu là 20 ngày. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua khi Công ty được UBCK cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng.

Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

Phương thức thanh toán:

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Các cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu tại công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản;
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Các cổ đông đăng ký mua tại Phòng kế toán - Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, đồng thời nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa (xem số tài khoản phong tỏa tại mục V.13).



Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCK, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.

Quyền lợi người mua cổ phiếu: Cổ phiếu phát hành trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu: bằng số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp

Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: không có

9. Phương thức thực hiện quyền

Đây là trường hợp Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phần phổ thông, chào bán 8.040.9000 cổ phần cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc sở hữu quyền mua cổ phiếu, thực hiện quyền mua (chuyển nhượng quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu) theo hướng dẫn tại mục V.6 , V.7 và V.8 của Bản cáo bạch này.

- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;
- Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;
- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần hoặc chứng quyền.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta xác định ngành nghề đầu tư kinh doanh và tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa như sau:

- Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tính đến thời điểm hiện tại (28/05/2019) là 7,19% Vốn điều lệ (Nguồn: HOSE).
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài cho từng ngành nghề của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200208753 thay đổi lần thứ 21 ngày 23/04/2019 và theo quy định tại Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài, chi tiết như sau:

TT	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu tối đa của
----	----------	-----------------------	-------------------------



			NĐT nước ngoài
1.	1020 (chính)	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.	100%
2.	0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%
3.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	49%
4.	4632	Bán buôn thực phẩm <i>Chi tiết: Xuất khẩu, bán buôn mặt hàng thủy sản, nông sản.</i>	100%
5.	4633	Bán buôn đồ uống	100%
6.	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	100%
7.	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày <i>Chi tiết: Khách sạn</i>	100%
8.	0113	Trồng cây lấy củ có chất bột	100%
9.	0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	100%
10.	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%
11.	7710	Cho thuê xe có động cơ	100%
12.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác <i>Chi tiết: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến</i>	100%

Nguồn: Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài

Mặt khác, căn cứ vào Điều 1 Khoản 2 Điểm 1.c Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta hiện là công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Do đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại FMC là 49% Vốn điều lệ.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Quyền mua của cổ đông FMC được chuyển nhượng 01 (một) lần. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên nhận chuyển nhượng không được tiếp tục chuyển nhượng cho người khác.



Số lượng cổ phiếu FMC chào bán cho cổ đông hiện hữu FMC trong đợt chào bán này là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày hoàn tất việc phân phối.

Đối với số lượng cổ phiếu không phân phối hết cho cổ đông hiện hữu, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu (25.000 đồng/cp), và số lượng cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (theo quy định tại điểm 3 Khoản 7 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP).

12. Các loại thuế liên quan

Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008; Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; mức thuế suất TNDN hàng năm áp dụng cho Công ty:

Đối với hàng nông sản: Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN với mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ năm đầu hoạt động (2008), được miễn thuế TNDN trong 04 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (2008 đến 2011) và được giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2012 đến năm 2020).

Đối với hàng thủy sản Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 22% trên thu nhập chịu thuế.

Kể từ năm 2015, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 về việc sửa đổi, bổ sung thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014. Cụ thể là:

- (1) Thu nhập đối với hoạt động kinh doanh thủy sản tại trụ sở chính của công ty (thuộc địa bàn khó khăn) được hưởng thuế suất thuế TNDN 10% cho suốt thời gian hoạt động;
- (2) Thu nhập từ nông sản và thủy sản thực hiện tại Khu công nghiệp An Nghiệp Sóc Trăng (thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn) được miễn thuế TNDN. Mặt khác, thu nhập từ nuôi tôm cũng được miễn thuế TNDN do cũng thực hiện tại địa bàn đặc biệt khó khăn.

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

Đối với nhà đầu tư

Đối với nhà đầu tư cá nhân



- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại điểm 2 Điều 16 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng được áp dụng theo quy định tại điểm 2 Điều 20 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 01/10/2013 về việc “Thu nhập về đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng vốn”.

- Thu nhập từ cổ tức

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014.

Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu FMC cho cổ đông hiện hữu và đợt phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa của Công ty:

- Tên người thụ hưởng : **Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**



- Số tài khoản : 032.100.062.919.9
- Mở tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư phát triển, ĐHCĐ thường niên năm 2019 của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đồng thời thông qua phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Theo đó, toàn bộ số tiền dự kiến thu được để bổ sung vốn lưu động của Công ty sẽ chủ yếu được phân bổ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như mua nguyên vật liệu và mở rộng diện tích nuôi tôm cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đem lại hoạt động ổn định cho Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển giải quyết được các khó khăn về nguồn vốn hoạt động.

- Tính đến thời điểm 30/06/2019, tổng diện tích nuôi tôm là 200 ha tương ứng 250 ao tập trung chủ yếu tại tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay, vùng nuôi tôm của Công ty đang đáp ứng ...% nhu cầu tôm nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, nên phần còn lại Công ty vẫn phải thu mua tôm từ các hộ nông dân trong vùng. Do đó, nhằm kiểm soát việc phụ thuộc nêu trên Công ty dự kiến sẽ sử dụng một phần số tiền thu được từ đợt chào bán (100 tỷ đồng) để đẩy mạnh phát triển vùng nuôi sản có một mặt đảm bảo được chất lượng sản phẩm mặt khác có thể gia tăng sản lượng đầu ra mang lại hiệu quả cao cho Công ty.
- Riêng đối với nhu cầu mua tôm nguyên liệu, đây là nhu cầu vốn lưu động thường xuyên phục vụ hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Theo đó, để đạt được kế hoạch doanh thu cả năm 2019 tăng 14,3% so với năm 2018, FMC cần bổ sung vốn lưu động 50 tỷ đồng vào Quý 3/2019 và 51 tỷ đồng cho Quý 4/2019 để giảm sự phụ thuộc vào vay ngân hàng cũng như áp lực lãi vay trong bối cảnh quy mô sản xuất của Công ty đang được mở rộng.

2. Phương án khả thi

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh năm 2019 và 2020, doanh thu của Fimex sẽ tăng từ 3.807 tỷ đồng (năm 2018) lên 4.350 tỷ đồng (năm 2019) và 4.742 tỷ đồng (năm 2020). Tuy nhiên vốn điều lệ hiện tại của Công ty sẽ không đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất thực tế, do đó công ty phải tiến hành tăng vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc tài trợ cho vốn lưu động của Công ty thông qua đợt phát hành lần này sẽ giúp Công ty giảm sự phụ thuộc vào vay ngân hàng cũng như áp lực lãi vay mà vẫn đảm bảo nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh quy mô sản xuất của Công ty đang được mở rộng. Nguồn vốn dự kiến thu được để bổ sung vốn lưu động của Công ty sẽ chủ yếu được phân bổ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như mua nguyên vật liệu và mở rộng diện tích nuôi tôm cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đem lại hoạt động ổn định cho Công ty, phù hợp với chiến lược phát triển giải quyết được các khó khăn về nguồn vốn hoạt động.



VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ_ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03A/NQ.HĐQT.2019 ngày 28/05/2019, toàn bộ số tiền dự kiến thu từ đợt phát hành là 201.000.000.000 đồng (Số lượng chào bán 8.040.000 cổ phiếu x Giá chào bán 25.000 đồng/cổ phiếu) sẽ được Công ty sử dụng vào mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Bảng 23: Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Đơn vị tính: Đồng

TT	Mục đích	Giá trị sử dụng dự kiến	Thời gian sử dụng
1	Mở rộng diện tích nuôi tôm	100.000.000.000	Quý 3 - 4 năm 2019
2	Mua tôm nguyên liệu	101.000.000.000	Quý 3 - 4 năm 2019
	Tổng cộng	201.000.000.000	

Phương án xử lý khi đợt phát hành không đủ số tiền dự kiến thu được

Do đợt chào bán lần này không được bảo lãnh phát hành nên có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, có thể ảnh hưởng đến kế hoạch bổ sung vốn lưu động của Công ty dự kiến. Trong trường hợp cổ phiếu chào bán không được mua hết và số tiền thu được không đủ để tài trợ cho mục đích chào bán, thì Công ty sẽ tiếp tục sử dụng nguồn vốn sẵn có từ hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc huy động từ các nguồn khác để bổ sung đầu tư vào dự án. Ngoài ra, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT phân phối số cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn số và số lượng cổ phiếu không được cổ đông đặt mua hết cho các đối tượng khác theo cách thức và điều kiện phù hợp với giá bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Số tiền thu được từ đợt chào bán số lượng cổ phiếu lẻ có thể hỗ trợ bổ sung vốn lưu động của Công ty.



VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

Tổ chức chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

Địa chỉ: Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng

Điện thoại: (84.79) 3822 223

Fax: (84.79) 3822 122

Email: fimexinfo@yahoo.com.vn

Website: www.fimexvn.com

Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 28, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, 02 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3824 5252

Fax: (84.28) 3824 5250

Email: eyhcmc@vn.ey.com

Website: www.ey.com

Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI (SSI)

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3824 2897 Fax: (84.28) 3824 2997

Email: ssi@ssi.com.vn Website: www.ssi.com.vn

2. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (“SSI”) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Mục đích của đợt chào bán lần này nhằm huy động vốn lưu động phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khối lượng chào bán cho cổ đông hiện hữu đợt này là 8.040.000 cổ phiếu (tương đương 20% số cổ phiếu đang lưu hành của FMC). Giá chào bán cổ phiếu FMC cho cổ đông hiện hữu là 25.000 đồng/cổ phiếu. Với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2018 là 17.082 đồng/cổ phiếu và giá thị trường bình quân 60 phiên (từ ngày 24/04/2019 trở về trước - trước khi tiến hành đại hội cổ đông thường niên năm 2019 để thông qua phương án phát hành) là 29.356 đồng/cổ phiếu, và đóng cửa ngày 28/05/2019 là 28.500 đồng/cổ phiếu.

Với những nhận định trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu FMC và khả năng Công ty chào bán thành công cao vì mức giá chào bán tương đối hấp dẫn.



Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

3. Đại lý phát hành

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”) phân phối và thông báo quyền mua cổ phiếu FMC cho các cổ đông FMC thông qua các Công ty Chứng khoán – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua trực tiếp đến từng cổ đông FMC.

4. Các khoản phí và điều kiện kèm theo

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về quyền mua, đối với cổ đông đã lưu ký, nộp tiền mua cổ phiếu tại CTCK nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch; đối với cổ đông chưa lưu ký, nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa (xem số tài khoản phong tỏa tại mục V.13). Giá phát hành là 25.000 đồng/cổ phiếu phát hành thêm.

Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng. Công ty sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung để đưa số lượng cổ phiếu phát hành thêm vào giao dịch.



IX. PHỤ LỤC

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị
- Điều lệ Công ty
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 (kỳ niên độ từ 01/10/2016 đến 30/09/2017)
- Báo cáo tài chính kiểm toán Quý 4/2017 (kỳ niên độ từ 01/10/2017 đến 31/12/2017)
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 (kỳ niên độ từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018)
- Báo cáo tài chính Quý I và Quý II năm 2019
- Các tài liệu khác



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



Sóc Trăng, ngày 02 tháng 08 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA



CHỦ TỊCH HĐQT

HÒ QUỐC LỰC

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM HOÀNG VIỆT

NGUYỄN VĂN NGUYỄN

TÔ MINH CHÀNG



TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH PHÍA BẮC KHỞI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



NGUYỄN NGỌC ANH

SSI

SSI